NS: 03/3/2024

ND: 05/4/2024 **BÀI 1 – CƯỜI MÌNH, CƯỜI NGƯỜI**

**(Thơ trào phúng)**

**Môn học**: Ngữ văn 8

**Thời gian thực hiện**: 16 tiết (125-140)

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Nhận biết và phân tích được tác dụng của một số thủ pháp nghệ thuật chính trong thơ trào phúng [1].

- Nhận biết và phân tích được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật; phân tích được một số căn cứ để xác định chủ đề [2].

- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua văn bản; hiểu mỗi người đọc có thể có cách tiếp cận riêng đối với một văn bản văn học [3].

- Nhận biết được sắc thái nghĩa của từ ngữ và vận dụng vào việc lựa chọn từ ngữ [4].

- Viết được bài phân tích một tác phẩm văn học: nêu được chủ đề; dẫn ra và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật [5].

- Biết thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống phù hợp với lứa tuổi [6].

**2. Phẩm chất:**

- Giúp học sinh hiểu thêm các sắc thái phong phú của tiếng cười, qua đó biết cách ứng xử trong cuộc sống và hoàn thiện bản thân [7].

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Thiết bị dạy học:** Laptop, máy chiếu, bộ loa, bảng trắng, phiếu học tập...

**2. Học liệu:** Sách Ngữ văn 8 Chân trời sáng tạo.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Tiết 125-126 VĂN BẢN 1. BẠN ĐẾN CHƠI NHÀ**

(Nguyễn Khuyến)

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Bạn đến chơi nhà.*

**b. Nội dung:** GV tổ chức trò chơi “ Đoán ý đồng đội”

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **+** GV tổ chức trò chơi: “Ai nhanh hơn”  Em hãy tìm một số câu ca dao về tình bạn.  Trong 3 phút, các nhóm viết đáp án của nhóm mình vào giấy A0. Sau 3 phút, dãy nào có nhiều đáp án đúng hơn sẽ giành chiến thắng.  + Sau trò chơi, GV đặt câu hỏi (suy nghĩ và trả lời cá nhân): Khi có bạn đến chơi nhà, nhất là bạn lâu ngày gặp lại, chúng ta thường chuẩn bị những gì để tiếp đón?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  -HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  -HS tham gia trò chơi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới  *Trong ca dao, chúng ta thấy tình bạn đẹp như vậy. Trong văn học Trung Quốc, nhà thơ Đỗ Phủ cũng tiếp đón bạn rất chân thành, giản dị:*  *Không hiềm đồng nội không thức nhắm*  *Thừa hứng xin mời ngắm khóm hoa*  *Hoặc trong bài thơ khác lại viết:*  *Cơm nước chợ xa không đủ món*  *Rượu mời nhà ngặt chỉ thứ ôi.*  *Nếu chịu uống cùng ông hàng xóm*  *Cách rao xin gọi cạn chén vui.*  *Trong thơ ca Việt Nam, người đọc không thể không biết đến bài “Bạn đến chơi nhà” của nhà thơ Nguyễn Khuyến cũng tiếp bạn rất giản dị, mộc mạc nơi thôn dã. Tiết học ngày hôm nay, cô trò chúng ta sẽ cùng tìm hiểu bài thơ này.* | - Một số câu ca dao về tình bạn:  *+ Bạn bè là nghĩa tương tri*  *Sao cho sau trước một bề mới yên.*  *+ Bạn về có nhớ ta chăng*  *Ta về nhớ bạn như trăng nhớ trời…*  - Khi bạn đến chơi nhà, nhất là bạn lâu ngày gặp lại, chúng ta thường chuẩn bị: đồ ăn, thức uống ngon để tiếp đón bạn. |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Bạn đến chơi nhà*. Hình thành các năng lực [1].[2],[3] và phẩm chất [7].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *“Bạn đến chơi nhà”*

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Tìm hiểu tri thức Ngữ văn** | |
| **\* Tìm hiểu tri thức ngữ văn**  **Tìm hiểu thơ trào phúng**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Gv chia lớp thành 3 nhóm lớn, yêu cầu các nhóm thảo luận tìm hiểu một số khái niệm theo PHT.  Nhóm 1: Tìm hiểu về khái niệm thơ trào phúng  Nhóm 2: Tìm hiểu về thủ pháp trào phúng  Nhóm 3: Tìm hiểu về sắc thái của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ.  -Sau khi HS thảo luận và báo cáo kết quả. GV chiếu 1 số ví dụ để HS nhận diện  PHIẾU HỌC TẬP   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm thơ trào phúng** | **Trả lời** | | Khái niệm |  | | Thủ pháp nghệ thuật |  | | Sử dụng nghĩa của từ ngữ |  | | Tiếng cười trào phúng |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ. Gv hỗ trợ khi cần thiết  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một vài nhóm HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  và mối liên hệ giữa các yếu tố này.  **Bước 4: Đánh giá kết quả HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, bổ sung, không cần giảng quá chi tiết và chốt lại kiến thức. | **I. Tìm hiểu tri thức Ngữ văn**  - Khái niệm: Thơ trào phúng là một bộ phận của văn học trào phúng, trong đó tác giả tạo ra tiếng cười để châm biếm, phê phán xã hội hoặc tự phê bình bản thân. Tiếng cười trong thơ trào phúng có nhiều cung bậc: hài hước, châm biếm, đả kích, nhưng không phải lúc nào cũng rạch ròi mà chuyển hóa linh hoạt từ cung bậc này sang cung bậc khác.   * Thủ pháp trào phúng: tiếng cười trào phúng thường được tạo ra từ các thủ pháp: ẩn dụ, phóng đại, giễu nhại, lối nói nghịch lý…   Sắc thái nghĩa của từ ngữ: là phần nghĩa bổ sung, bên cạnh nghĩa cơ bản của từ ngữ. Sắc thái nghĩa biểu thị tình cảm, thái độ đánh giá, nhận định của người nói, người viết VD: trang trọng, thân mật, coi khinh… |
| **II. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
| \* **Trải nghiệm cùng văn bản**  **Đọc và tìm hiểu tác giả, tác phẩm**  **+ Tác giả**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên yêu cầu HS: Báo cáo dự án học tập mang tên: Hồ sơ người nổi tiếng  - Trình bày hiểu biết của em về tác giả Nguyễn Khuyến  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chuẩn bị ở nhà và lên lớn trình bày  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  -Thông qua việc chuẩn bị dự án học tập nhóm 1,2 trình bày dự án.  Nhóm 1: Cử đại diện thuyết trình  Nhóm 2: Treo ảnh, tranh đã chuẩn bị lên bảng  Gv gọi HS nhận xét đánh giá  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  -HS: Những cặp đôi không báo cáo nhận xét, bổ sung  - GV:  **+**Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  -Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác.  **+ Tác phẩm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  -GV yêu cầu HS đọc bài thơ và hoạt động nhóm đôi tìm hiểu về bài thơ  -GV hướng dẫn HS đọc văn bản giọng chậm rãi, ung dung, hóm hỉnh.  PHT tìm hiểu chung về bài thơ “Bạn đến chơi nhà”  -Hình thức: thảo luận cặp đôi  -Thời gian: 5 phút   |  |  | | --- | --- | | **Đặc trưng thể loại thơ** | | | Thế thơ |  | | Ngắt nhịp |  | | Gieo vần |  | | Nhan đề |  | | Cảm xúc chủ đạo: |  | | Đối, niêm: |  |   Gợi ý câu hỏi cho PHT trên:  -Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Dựa vào dấu hiệu nào mà em biết?  -Khi đọc bài thơ trên em sẽ ngắt nhịp như thế nào?  -Chỉ ra các gieo vần trong bài thơ?  Nhan đề bài thơ được đặt theo cách nào? Chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo trong bài thơ?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩn  HS đại diện trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của cặp đôi báo cáo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng. | **1. Tác giả**  -Nguyễn Khuyến (1835 – 1909)  -Quê quán: Bình Lục – Hà Nam  -là người thông minh, học giỏi, đỗ đầu ba kỳ thi” Hương, Hội, Đình. →Tam Nguyên Yên Đổ  🡪Nguyễn Khuyến là nhà thơ lớn của dân tộc.  **2. Tác phẩm**  -Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật  Cách ngắt nhịp: 4/3, 2/2/3 riêng câu thứ 8: 4/1/2  -Gieo vần: vần chân (cuối câu 1,2,4,6,8)  -Nhan đề: Bạn đến chơi nhà  -Đối: câu 3 và 4, 5 và 6 đối với nhau  -Niêm: Câu 1 và 8, 2 và 3, 4 và 5, 6 và 7 niêm với nhau (Tiếng thứ 2 giống nhau về luật B hoặc T)  -Cảm xúc chủ đạo: Ca ngợi tình bạn thiết tha chân thành |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| ***\* Tìm hiểu đặc trưng của thể loại thơ trào phúng trong bài thơ***  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Gv đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS để hoàn thành PHT số 2. GV gửi PHT trước cho HS thực hiện ở nhà, lên lớp tổ chức lớp thực hiện theo phương pháo khăn phủ bàn để hoàn thành lại PHT.  Em hãy nhắc lại các yếu tổ thể hiện đặc trưng của thơ trào phúng được thể hiện trong bài thơ.  Bài thơ được chia làm mấy phần? nêu nội dung chính từng phần? Liệu có cách chia nào khác không? Từ đó em hãy chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo trong bài thơ?  Tác giả đã sử dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tư từ nào trong 7 câu thơ đầu để mô tả gia cảnh của mình khi bạn đến nhà chơi?  Tác giả cười ai, cười về điều gì? Nêu tác dụng của những thử pháp nghệ thuật đã tạo nên tiếng cười trong bài thơ?  **Phiếu học tập**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm thơ trào phúng** | **Trả lời** | | Mạch cảm xúc |  | | Sử dụng nghĩa của từ ngữ |  | | Thủ pháp trào phúng |  | | Tiếng cười trào phúng |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-**HS quan sát PHT của bạn, cùng nhau chia sẻ trao đổi và thống nhất ý kiến.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  GV:Yêu cầu HS báo cáo PHT theo công đoạn, các nhóm khác theo dõi bổ sung và nhận xét  - HS đại diện trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của nhóm báo cáo.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  ***\* Tìm hiểu tình cảm cảm chân thành, thiết tha của tác giả dành cho bạn***  **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  GV Gọi HS đọc câu thơ đầu với giọng điệu thích hợp.  Gv đặt câu hỏi gợi dẫn để hướng dẫn HS hoàn thành PHT sau  -Đây là lời của ai dành cho ai?  Cách mở đầu bài thơ có gì thú vị?  Em có nhận xét gì về thời gian và cách xưng hô?  + Cụm từ “đã bấy lâu nay” gợi lên cho em điều gì ?  + Tác giả đã xưng hô với bạn như thế nào? Cách xưng hô có ý nghĩa gì?  Em hình dung cảm xúc của tác giả như thế nào?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nội dung tìm hiểu | Từ ngữ, hình ảnh thơ | Nhận xét | | Thời gian |  |  | | Cách xưng hô |  |  | | Cảm xúc của nhà thơ |  |  | | Nhận xét chung | | |   **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS quan sát PHT của bạn, cùng nhau chia sẻ trao đổi và thống nhất ý kiến.  **Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  GV Gọi HS đọc 6 câu thơ tiếp với giọng điệu thích hợp.  GV cho HS thảo luận nhóm và thực hiện nhiệm vụ để thực hiện gắn thẻ chữ vào bảng sau:  Câu hỏi gợi ý: ? Lẽ thường, khi bạn đến chơi, chủ nhà nghĩ đến việc thiết đãi bạn để tỏ tình thân thiện. Nhưng trong bài thơ này, hoàn cảnh của tác giả có gì khác nên ông không thể tiếp bạn theo lẽ thường ? em hãy chỉ rõ bằng cách điền vào bảng sau:  Theo em tại sao sau lời chào đón bạn tác giả lại nhắc đến trẻ và chợ?  ? Theo em, mọi thức ăn trong gia đình có sẵn hay không?  ? Em hãy diễn tả cái điều “có đấy mà cũng như không” của các thứ thức ăn được kể và tả trong bài thơ này?  Từ đó lí giải vì sao tác giả cố tạo ra một tình huống đặc biệt như thế nhằm mục đích gì ?  ? Nếu hiểu đây là hoàn cảnh thật thì qua cách nói đó, em hiểu chủ nhà là người như thế nào, và tình cảm của ông đối với bạn ra sao?  ? Nếu hiểu đây là cách nói cho vui về cái sự không có gì để đãi bạn thì em hiểu hoàn cảnh sống , tính cách, tình cảm của chủ nhà dành cho bạn ra sao?  ? Cái không được đấy tới tận cùng là “**trầu không có**” nghĩa là không có đến cả cái tối thiểu cho việc tiếp khách. Để nói thẳng, nói cho vui được như thế, em thấy chủ nhà phải là người như thế nào?  ? Vậy tình bạn của họ ra sao?  ? Qua 6 câu thơ này, em nhận được cảm xúc gì của tác giả trong cách nói trên?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-**HS thực hiện gắn thẻ chữ và trả lời câu hỏi gợi ý của GV  **Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV:Yêu cầu HS thực hiện dán thẻ chữ vào bảng phụ trong thời gian 2p, nhóm nào xong trước sẽ lên bảng trình bày.  - HS đại diện trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của cặp đôi báo cáo  **Bước 4. Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS: Các nhóm không báo cáo nhận xét, bổ sung  - GV:  **+**Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  -Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác.  -HS theo dõi và ghi bài vào trong PHT hoặc vở ghi.  **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  GV Gọi HS đọc câu thơ cuối với giọng điệu thích hợp.  HS Hướng dẫn HS tìm hiểu câu thơ cuối theo phương pháp cặp đôi:  ? Theo em, câu thơ cuối, hình ảnh nào đáng chú ý?  ? Cụm từ “**ta với ta**” có ý nghĩa như thế nào? “**ta**” ở đây là ai? Mối quan hệ giữa 2 từ “**ta**” ra sao?  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. **GV nhận định**  Ta:Chủ nhà (tác giả)  Ta: khách ( bạn )  **ta với ta**” là cụm từ biểu cảm. Đại từ “**ta**” vừa là ngôi thứ nhất số ít, vừa là ngôi thứ nhất số nhiều. “**ta**” là tác giả, “**ta**” cũng là bạn, “**ta**” cũng là chúng ta. “**ta**” ở đây tuy hai mà một, không còn sự xa cách. Đó là quan hệ gắn bó, hoà hợp của tình bạn trong sáng, bền chặt và sâu sắc  **Bình**: “**Bác đến chơi đây ta với ta**”  Là 1 câu kết hay, hội tụ linh hồn của bài thơ. Ta với ta nghĩa là 1 tấm lòng đến với 1 tấm lòng, kẻ tri âm đến với người tri kỷ. Vậy thì tất cả yếu tố lễ nghi kia đều là những thứ vô nghĩa. Chủ và khách có chung 1 tình cảm thắm thiết thanh cao, đó là cái quý giá không vật chất nào sánh được. Ba tiếng “**ta với ta**” gợi cảm xúc vui mừng, thân mật. Bạn bè xa cách, nay vượt đường xa dặm thẳm, vượt cái yếu đuối của tuổi già để đến thăm nhau thì thật là đáng quý. Sự gần gũi, tâm đắc về mặt tâm hồn đã gắn bó chủ và khách làm 1.  GV chốt ý và ghi bài | **1. Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng trong bài thơ**  **-Bố cục, mạch cảm xúc:**  + câu thơ đầu: Giới thiệu tình huống bạn đến chơi →Niềm vui hồ hơi khi bạn đến chơi  +6 câu tiếpHoàn cảnh tiếp đãi bạn → Tiếng cười hóm hỉnh, đùa vui trước hoàn cảnh eo le  + Câu cuối: Quan niệm về tình bạn → Trân trọng, tình cảm sâu sắc của mình dành cho bạn  **→Tạo ra một kết cấu độc đáo, 1/6/1 phá bỏ ràng buộc về bố cục 2/2/2/2 của thể thơ**  **-Các hình ảnh, từ ngữ, đặc sắc:**  -Cách xưng hô: bác : thể hiện sự thân mật, gần gũi, tôn trọng.  -Liệt kê các từ ngữ: hình ảnh: trẻ đi vắng, chợ xa, ao sâu nước cả, vườn ruộng, cải chửa ra cây, cà mới nụ, bầu rụng rốn, mướp đương hoa, trầu không có.  -**Thủ pháp trào phúng:** Phóng đại, lối nói hóm hỉnh  **-Tiếng cười trào phúng:** tự trào (cười mình) một cách hóm hỉnh đùa vui. → Tuy không có gì tiếp đãi bạn nhưng tác giả có một tình cảm chân thành, thân thiết.  **2. Tình cảm chân thành, thiết tha của tác giả dành cho bạn**  **a. câu đầu: Giới thiệu tình huống bạn đến chơi nhà**  **“Đã bấy lâu nay, bác tới nhà”**  -Thời gian: đã bấy lâu nay →Thời gian rất lâu không gặp  -Cách xưng hô: Bác → thân mật, gần gũi, tôn trọng  🡪 **Câu thơ bộc lộ sự hồ hởi, vui mừng khi bạn đến chơi nhà.**  **b. Sáu câu thơ tiếp : Hoàn cảnh tiếp đãi bạn**  - Trẻ - đi vắng → không có người sai bảo  - Chợ - xa → không dễ mua thức ăn ngon đãi bạn  - Thịt cá:  + Cá: ao sâu, nước cả  + Gà: vườn rộng, rào thưa  **⇒Không bắt được**  - Rau quả:  + Cải: chửa ra cây  + Cà: mới nụ  + Bầu: vừa rụng rốn  + Mướp: đương hoa  **⇒Không dùng được**  - Lễ nghi tiếp khách: trầu → không có (nói quá)  **-> Liệt kê theo giá trị giảm dần, có cũng như không, ngôn ngữ giản dị, tiếng cười tự trào hóm hỉnh.**  **🡪 Tình bạn chân thành, cao đẹp vượt trên cả vật chất và mọi lễ nghi thông thường.**  **c. câu thơ cuối: Quan niệm về tình bạn**  - **Ta 1**: Chủ nhà (tác giả)  - **Ta 2:** Khách (bạn)  - Ta với ta: tuy 2 mà một  🡢Đại từ  **🡪Tình bạn đậm đà, thắm thiết, giản dị vượt lê vật chất tầm thường** |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Bài thơ có những đặc sắc gì về nghệ thuật ?  + Cho biết nội dung, của bài thơ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **1. Nghệ thuật**  **-**Sử dụng phá cách thể thơ Thất ngôn bát cú với lời thơ mộc mạc, giản dị, gần gũi.  -Sử dụng linh hoạt thủ pháp nghệ thuật trào phúng.  **2. Nội dung**  Qua tiếng cười tự trào, hóm hỉnh đùa vui tác giả đã bày tỏ sự trân trọng, yêu quý sâu sắc của mình dành cho bạn |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

**a) Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Bạn đến chơi nhà*

**b) Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ.

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Trò chơi: “Ai lên cao hơn”**  **Câu 1. Bài *Bạn đến chơi nhà* được làm theo thể thơ nào?**  A. Thất ngôn tứ tuyệt luật Đường  B. Thất ngôn bát cú luật Đường  C. Tự do  D. Thơ thất ngôn  **Câu 2. Bài *Bạn đến chơi nhà* viết về đề tài gì?**  A. Khách đến chơi nhà  B. Tình bạn  C. Tình thân  D. Hoàn cảnh gia đình  **Câu 3. Bài thơ khái quát gia cảnh của tác giả khi bạn đến chơi như thế nào?**  A. Khá giả, thứ gì cũng có để tiếp đãi bạn  B. Đúng lúc không có ai ở nhà để phụ giúp, câu cá, bắt gà đều khó,rau quả chưa thu hoạch được, không có gì để tiếp bạn  C. Gia cảnh quá nghèo, muốn tiếp đãi bạn mà bất lực vì không có gì  D. Mọi người trong gia đình không phải là người hiếu khách  **Câu 4. Thủ pháp trào phúng nào được Nguyễn Khuyến sử dụng trong bài thơ*?***  A. Phóng đại  B. Ẩn dụ  C. Lối nói giễu nhại  D. Tương phản, đối lập  **Câu 5. Đối tượng tiếng cười mà tác giả hướng tới trong bài thơ trào phúng *Bạn đến chơi nhà* là ai?**   1. Cười chính tác giả (tự trào) 2. Cười bạn mình 3. Cười những người nghèo khổ 4. Không có đối tượng cụ thể   **Câu 6. Bài thơ trên viết theo luật thơ nào?**   1. Luật trắc 2. Luật bằng 3. Cả luật bằng và luật trắc 4. Không xác định được   **Câu 7. Bài thơ *Bạn đến chơi nhà* sử dụng phép đối ở các câu thơ nào?**   1. Hai câu đề 2. Hai câu đề và hai câu thực 3. Hai câu thực và hai câu luận 4. Hai câu luận và hai câu kết   **Câu 8. Đâu không phải là mục đích của thơ trào phúng?**  A. Tạo tiếng cười  B. Châm biếm, phê phán xã hội  C. Tự phê bình bản thân  D. Đưa ra những bài học triết lí về đạo đức, nhân cách sống  **Câu 9. Câu thơ nào thể hiện rõ tình cảm, cảm xúc của tác giả trong bài thơ?**  A. Đã bấy lâu nay bác tới nhà  B. Trẻ thời đi vắng, chợ thời xa  C. Đầu trò tiếp khách, trầu không có  D. Bác đến chơi đây, ta với ta!  **Câu 10. Ta trong câu thơ cuối là những ai?**  A. Tác giả và nhân vật “bác” trong bài thơ  B. Tác giả và người đọc  C. Chỉ chung những người bạn của tác giả  D. Không xác định được  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chơi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

**a) Mục tiêu:** vận dụng kiến thực đã học vào giải quyết các tình huống, bài tập trong cuộc sống.

**b) Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để viết đoạn văn ngắn khoảng 5 -7 câu để so sánh hình ảnh người mẹ

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-**Hãy viết những điều em muốn nói với bạn của mình (Cảm ơn, xin lỗi…) vào giấy để chia sẻ với lớp lên cây yêu thương.  **-**Nêu biểu hiện của một tình bạn đẹp  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS Viết ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS dán trên cây yêu thương.  GV gọi 1 vài em trình bày kết quả của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | SP của học sinh |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** Nắm đặc sắc nghệ thuật và giáo trị nội dung của bài thơ.

Tìm đọc thơ của Nguyễn Khuyến.

***- Bài sắp học:*** Đề đền Sầm Nghi Đống

+ Đọc, soạn các câu hỏi sgk

**Tiết 127-128 VB2: ĐỀ ĐỀN SẦM NGHI ĐỐNG**

**-Hồ Xuân Hương-**

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV tổ chức cho HS tham gia trò chơi “ Ai nhanh hơn?”

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức trò chơi Ai nhanh hơn?  **- Phổ biến luật chơi:** Trong thời gian 3 phút, bạn nào trả lời đúng nhiều câu nhất thì sẽ là người thắng cuộc.  **-** HS lắng nghe câu hỏi liên quan đến chủ điểm của bài học và trả lời các câu hỏi:  **Câu 1.** Em biết những bài thơ trào phúng của Hồ Xuân Hương?  **Câu 2.** Em thích bài thơ nào trong các bài thơ vừa nêu? Vì sao?  - *Chia sẻ với các bạn trong lớp về cách chơi chữ trong thơ HXH tương tự mà em đã biết. Suy nghĩ và cảm xúc của em về nghệ thuật ấy là gì?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  *Cá nhân HS thực hiện nhiệm vụ.*  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  *2-3 HS trả lời, các HS khác lắng nghe, bổ sung (nếu có).*  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét câu trả lời của HS; công bố kết quả trò chơi.  *GV dẫn dắt vào bài thơ:* Bài thơ nhắc người đọc nhớ đến một sự kiện lịch sử oanh liệt của dân tộc ta. Đó là sự kiện vua Quang Trung đại phá quân Thanh vào tết Kỉ Dậu 1789. Bài thơ biểu lộ một thái độ khinh bỉ được thể hiện bằng giọng thơ chế giễu đa nghĩa: không những chỉ thể hiện một cách nhìn khinh rẻ một viên tướng xâm lược, mà còn nói lên một khát vọng của bản thân mình và phụ nữ nói chung về sự bình đẳng nam nữ. Để hiểu rõ hơn bài thơ cô và các em cùng nhau tìm hiểu | HS trả lời. |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:**Hình thành các năng lực [1].[2],[3] và phẩm chất [7].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *“Đề đền Sầm Nghi Đống”*

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên yêu cầu HS: Báo cáo dự án học tập mang tên: Hồ sơ người nổi tiếng  *? Trình bày hiểu biết của em về tác giả Hồ Xuân Hương?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-**HS chuẩn bị ở nhà và lên lớn trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Thông qua việc chuẩn bị dự án học tập nhóm 1,2 trình bày dự án.  Nhóm 1: Cử đại diện thuyết trình  Nhóm 2: Treo ảnh, tranh đã chuẩn bị lên bảng  - Gv gọi HS nhận xét đánh giá.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  -HS: Những cặp đôi không báo cáo nhận xét, bổ sung  - GV:  **+**Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS đọc bài thơ và hoạt động nhóm đôi tìm hiểu về bài thơ  - GV hướng dẫn HS đọc văn bản giọng chậm rãi, ung dung, hóm hỉnh.  PHT tìm hiểu chung về bài thơ “Đề đền Sầm Nghi Đống”  - Hình thức: thảo luận cặp đôi  - Thời gian: 5 phút   |  |  | | --- | --- | | **Đặc trưng thể loại thơ** | | | Thế thơ |  | | Nhịp thơ |  | | Gieo vần |  | | Nhan đề |  | | Cảm xúc chủ đạo |  | | Đối, niêm |  |   Gợi ý câu hỏi cho PHT trên:  ? Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào? Dựa vào dấu hiệu nào mà em biết?  ? Khi đọc bài thơ trên em sẽ ngắt nhịp như thế nào?  ? Chỉ ra các gieo vần trong bài thơ?  ? Nhan đề bài thơ được đặt theo cách nào? Chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo trong bài thơ?  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS quan sát PHT của bạn, cùng nhau chia sẻ trao đổi và thống nhất ý kiến.   * **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận** * GV yêu cầu 1 vài cặp đôi báo cáo sản phẩn   HS đại diện trình bày, các nhóm còn lại theo dõi, nhận xét và ghi chép kết quả thảo luận của cặp đôi báo cáo.   * **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**   - HS: Những cặp đôi không báo cáo nhận xét, bổ sung  - GV:  **+**Nhận xét thái độ làm việc và sản phẩm của các cặp đôi.  - Chốt kiến thức, chuyển dẫn sang mục khác.  - HS theo dõi và ghi bài vào trong PHT hoặc vở ghi. | **1. Tác giả:**  - Hồ Xuân Hương (?-?)  - Sống khoảng cuối thế kỷ XVIII – đầu thế kỷ XIX  - Quê quán: Quỳnh Đôi – Quỳnh Lưu – Nghệ An.  - Là người nổi tiếng với những sáng tác thơ bằng chữ Nôm. Tổng cộng 50 bài.  - Chủ đề: Bênh vực, đề cao phụ nữ và để kích thói đạo đức giả của quan lại vua chúa.  🡪Được ví là Bà chúa thơ Nôm.  **2. Tác phẩm**  a. Xuất xứ  Bài thơ nằm trong phần **Xiềng xích** của tập thơ **Từ ấy**.  Bài thơ được viết chính thức vào tháng 7 – 1939.  b. Thể loại: thơ bảy chữ  c. Phương thức biểu đạt chính: Biểu cảm  d. Bố cục: 3 phần  - Phần 1 (Từ đầu đến ***thiệt thà***): Nỗi nhớ da diết cuộc sống bên ngoài nhà tù.  - Phần 2 (Tiếp theo đến ***ngát trời***): Nỗi nhớ về chính mình trong những ngày chưa bị giam cầm.  - Phần 3 (Còn lại): Trở lại thực tại trại giam cầm lòng trĩu nặng với nỗi nhớ triền miên.  **2. Tác phẩm**  **a. Đọc**  **b. Tìm hiểu chú thích**  - Thể thơ: Thất ngôn tứ tuyệt Đường luật  - Nhịp thơ: 4/3, 2/2/3 riêng câu thứ 2: 1/3/3  - Gieo vần: vần chân (cuối câu 1,2,4)  - Nhan đề: Đề đền Sầm Nghi Đống  - Đối: câu 3 và 4, 5 và 6 đối với nhau  - Niêm: Câu 1 và 4, 2 và 3 niêm với nhau (Tiếng thứ 2 giống nhau về luật B hoặc T)  - Cảm xúc chủ đạo: Phê phán, chễ giễu, thiếu tôn trọng đối với tên giặc bại trận dưới tay của vua Quang Trung – Nguyễn Huệ.  - Chủ đề bài thơ: Thông qua thái độ bất kính, coi thường Sầm Nghi Đống, HXH thể hiện khát vọng bình đẳng nam – nữ muốn lập lên công danh sự nghiệp vẻ vang cho người phụ nữ của HXH. |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| **Nhiệm vụ 1:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Gv đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS để hoàn thành PHT số 2. GV gửi PHT trước cho HS thực hiện ở nhà, lên lớp tổ chức lớp thực hiện theo phương pháo khăn phủ bàn để hoàn thành lại PHT.  ? Em hãy nhắc lại các yếu tổ thể hiện đặc trưng của thơ trào phúng được thể hiện trong bài thơ.  ? Bài thơ được chia làm mấy phần? nêu nội dung chính từng phần? Liệu có cách chia nào khác không? Từ đó em hãy chỉ ra mạch cảm xúc chủ đạo trong bài thơ?  ? Tìm những từ ngữ, hình ảnh, thể hiện thái độ của tác giả khi đến đền Sầm Nghi Đống. Đó là thái độ gì? Dựa vào cước chú lý giải nguyên nhân này?  ? Trong bài thơ, tác giả cười ai, cười về điều gì? Nêu tác dụng của những thử pháp nghệ thuật đã tạo nên tiếng cười trong bài thơ?  **Phiếu học tập**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc điểm thơ trào phúng** | **Trả lời** | | Mạch cảm xúc |  | | Sử dụng nghĩa của từ ngữ |  | | Thủ pháp trào phúng |  | | Tiếng cười trào phúng |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát PHT của bạn, cùng nhau chia sẻ trao đổi và thống nhất ý kiến.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.  **Nhiệm vụ 2:**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Gv đặt câu hỏi gợi dẫn cho HS để hoàn thành PHT số 3:  Trong 2 câu thơ đầu:  ? Tác giả đã có thái độ như thế nào đối với đền thái thú?  ? Tìm từ ngữ, hình ảnh thể hiện điều đó? Nêu tác dụng của BPTT đó?  ? Cách gieo vần trong câu thơ thứ 2 có điều gì đặc biệt?  + Hai câu thơ đầu thể hiện suy nghĩ của bà như thế nào về tên SNĐ?  + Trong hai câu thơ cuối: Em có nhận xét gì về cách sử dụng từ đây trong câu thơ thứ ba? Từ đây được dùng ở ngôi thứ mấy? Có ý nghĩa như thế nào?  ? Tác giả đã nêu ra giả định gì trong hai câu thơ cuối?Những từ ngữ nào nói lên giả định của tác giả? Đó là giả định gì? Đặt trong bối cảnh XHPK, với thân phận là phụ nữ, lời giả định đó góp phần bộc lộ điều gì về nhà thơ?  ? Thủ pháp nghệ thuật được sử dụng trong 2 câu thơ này là gì? Từ ngữ, hình ảnh nào thể hiện điều đó?  ? Theo em tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua 2 câu thơ cuối này?  ? Qua đó em đánh giá như thế nào thái độ của tác giả với tên thái thú Sầm Nghi Đống?   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Nội dung thể hiện | Từ ngữ/hình ảnh thơ | Nhận xét | | Hai câu thơ đầu |  |  | | Hai câu thơ cuối |  |  | | Thái độ của tác giả |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Đặc trưng của thể loại thơ trào phúng trong bài thơ**  **- Bố cục, mạch cảm xúc**  **+Hai câu thơ đầu:** Thái độ của nhà thơ khi ghé thăm đền thờ Sầm Nghi Đống → Chế giễu, dè bỉu, coi thường  **+Hai câu cuối:** Khẳng định vai trò của người phụ nữ → Thể hiện sự tự hào, và một khát vọng được bình đẳng, khát vọng lập nên sự nghiệp anh hùng vẻ vang của một người phụ nữ.  **- Các hình ảnh, từ ngữ, đặc sắc:** ghé mắt, kìa, đứng cheo leo. Cách xưng hô: Đây: Thể hiện sự tự tôn, ý thức về giá trị bản thân.  - **Thủ pháp trào phúng**: Cách nói giễu nhại để gây ra tạo ra tiếng cười.  **- Tiếng cười trào phúng**: (cười người): Thái độ xem thường, giễu cợt, mỉa mai đối với Sầm Nghi Đống, đồng thời bộ lộ cá tính, bản lính khát vọng muốn thai đổi thân phận, lập nên sự nghiệp lẫy lừng vẻ vang cho phận nữ nhi của HXH.  **2. Thái độ của tác giả**  **2.1 Hai câu thơ đầu: Thái độ của nhà thơ khi ghé thăm đền thờ Sầm Nghi Đống**  - Từ ngữ, hình ảnh: ghé mắt, kìa, đứng cheo leo 🡪 động từ, đại từ, từ láy gợi hình.  Thái độ: Ngạo mạn, nhìn nghiêng-liếc qua, tay chỏ  -Ngắt nhịp: 1/3/3 + “kìa”: Thái độ ngạc nhiên  - Hình tượng đền độc đáo: hiện lên sự thảm hại của tên tên bại trận dưới con mắt nữ sĩ họ Hồ.  **🡪 Thái độ giễu cợt, coi thường, dẻ bỉu tên tướng bại trận Sầm Nghi Đống.**  **2.2 Hai câu cuối: Khẳng định vai trò của người phụ nữ**  - Cách xưng hô: “Đây” Ngang hàng với đấy – Sầm Nghi Đống 🡪 Ý thức rõ về giá trị của mình, thái độ mỉa mai, xem thường tên tướng giặc.  - Từ ngữ hình ảnh thơ đặc sắc: “Đổi phận làm trai được”, “há bấy nhiêu”: Lời khẳng định, tuyên bố tài năng của người phụ nữ không hề thua kém đấng nam nhi.  🡪 **Âm hưởng bài thơ là khát vọng lập nên sự nghiệp anh hùng vẻ vang của một người phụ nữ. Thái độ *“bất kính”* của bà là một thách thức đối với ý thức trọng nam khinh nữ, thách thức với các “sự nghiệp anh hùng” của nam nhi, thách thức đối với thần linh.** |
| **III. Tổng kết** | |
| **Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Bài thơ có những đặc sắc gì về nghệ thuật ?  + Cho biết nội dung, ý nghĩa của bài thơ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4. Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ thất ngôn tứ tuyệt đã được Việt hoá cao độ từ giọng điệu, ngôn từ đến ý thơ. Cách nhìn, cách tả, cách so sánh và suy nghĩ cho thấy một lối nói trào phúng, sắc nhọn. Bài thơ đa nghĩa, hóm hỉnh, sâu sắc.  **2. Nội dung**  - Khẳng định tài năng của người phụ nữ.  - Đả kích đền 1 vị thần xâm lược bại trận-bất tài vô dụng. |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Đề đền Sầm Nghi Đống.*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Nhận biết và phân tích cảm hứng chủ đạo của bài thơ

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV: Tổ chức trò chơi “Hỏi xoáy đáp nhanh”  HS suy nghĩ trả lời   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Câu hỏi** | **Yêu cầu** | **Giải thích** | | **1** | Em hình dung thấy điều gì khi đọc bài thơ này? | - Ngôi đền tầm thường, một cái nhìn bằng nửa con mắt, khinh rẻ. | | Xác định cách gieo vần và ngắt nhịp của bài thơ? Em có nhận xét gì về cách gieo vần và ngát ngắt nhịp ấy? | - Vần chân, nhịp, ngôn từ và giọng điệu thơ bỡn cợt, khinh thị, sắc nhọn. | | **2** | - Tìm và nêu tác dụng những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ thể hiện tâm trạng bà HXH về Thái thú Điền Châu Sầm Nghi đống? | - Ghé, trông ngang, thấy, kìa, đứng cheo leo: miệt khinh, biểu cảm ngạc nhiên  - “Đây” là đại từ nhân xưng – xấc xược, rất coi thường.  -Câu thơ thứ 4: câu hỏi tu từ- giễu cợt, hài hước nhân lên 10 lần | | **3** | Theo em tác giả muốn gửi gắm thông điệp gì qua bài thơ trên? | mang một hàm nghĩa sâu xa.. Bà đã chế giễu nhân cách tầm thường, cách xử sự tầm thường của những kẻ mày râu, những “trang nam nhi”, “bậc quân tử” bất tài, vô hạnh trong xã hội. | | **4** | Hãy viết một đoạn văn ngắn để bày tỏ suy nghĩ của em về nghệ thuật trào phúng được sử dung trong thơ TNBCĐL? | Cá nhân thực hành viết |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** |  |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học viết đoạn văn

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để trình bày cách hiểu của em về vị trí của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  - Yêu cầu HS  Viết đoạn văn (5-7 câu) trình bày cách hiểu của em về vị trí của người phụ nữ Việt Nam trong xã hội phong kiến?  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  - HS suy nghĩ, trả lời  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | SP của học sinh |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** Nắm đặc sắc nghệ thuật và giáo trị nội dung của bài thơ.

Tìm đọc thơ của Hồ Xuân Hương.

***- Bài sắp học:***

+ Đọc, soạn các câu hỏi sgk

**Tiết 129 ĐỌC KẾT NỐI CHỦ ĐIỂM: HIỂU RÕ BẢN THÂN**

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Những chiếc lá thơm tho*

**b. Nội dung:** Cho HS xem video thực hiện theo yêu cầu của GV

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên cho học sinh xem một đoạn video về “Hành trình khám phá bản thân”  [*https://www.youtube.com/watch?v=5NauPNQvLCc&ab\_channel=SavetheChildreninVietnam*](https://www.youtube.com/watch?v=5NauPNQvLCc&ab_channel=SavetheChildreninVietnam)  *? Video trên đưa đến cho chúng ta những thông tin gì? Qua video trên, em rút ra điều gì trên hành trình khám phá bản thân của chính mình.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  -HS lắng nghe và trả lời cá nhân câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - 2,3 HS trình bày suy nghĩ, cảm nhận của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới  GV góp ý câu trả lời của HS, khuyến khích HS mạnh dạn bộc lộ suy nghĩ của bản thân.  - Giáo viên nhận xét, đánh giá  GV giới thiệu: Thấu hiểu bản thân là khả năng nhận thức rõ ràng về những suy nghĩ, cảm xúc, thái độ, hành động của bản thân tại một thời điểm nhất định. Điều này đòi hỏi sự quan sát, phân tích và tự đánh giá một cách khách quan về bản thân nhằm định hướng, thay đổi hành vi và hành động một cách tích cực. Việc thấu hiểu bản thân cũng là bước đầu tiên để có thể thấu hiểu, chấp nhận người khác và xây dựng được những mối quan hệ tốt hơn trong cuộc sống. Chúng ta tìm hiểu rõ hơn trong bài ngày hôm nay nhé! | Video “Hành trình khám phá bản thân” sẽ giúp bạn hiểu hơn về quá trình hình thành tính cách, phẩm chất và ước mơ của bạn, giúp bạn có định hướng và mục tiêu rõ ràng trong công việc cũng như cuộc sống.  - HS tự rút ra suy nghĩ cho bản thân. |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Hình thành các năng lực [1].[2],[3] và phẩm chất [7].

**b. Nội dung:** Phiếu bài tập của giáo viên và câu trả lời của học sinh qua các hoạt động học tập.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - NV 1: HS đọc bài .  - NV 2: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm.  Phiếu bài tập   |  |  | | --- | --- | | Câu hỏi | Câu trả lời | | 1. Hiểu biết của em về tác giả Thomas Armstrong |  | | 2. Em hãy giới thiệu vài nét về tác phẩm “Bạn thông minh hơn bạn nghĩ” |  |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **I. Trải nghiệm cùng văn bản**   |  |  | | --- | --- | | 1. Tác giả | Thomas Armstrong.  Thomas Armstrong sinh ngày (1899- 1978) tại Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland.  -Ông là tác giả của 15 đầu sách tập trung vào học thuyết thông minh, đa dạng thần kinh, các học thuyết và phương pháp giáo dục dựa trên học thuyết về thông minh để giúp học sinh có thể khám phá ra khả năng tiềm ẩn của bản thân. | | **2. Tác phẩm** “***Bạn thông minh hơn bạn nghĩ*** ” | - ***Bạn thông minh hơn bạn nghĩ***  viết về thuyết thông minh, đa dạng thần kinh…sẽ giúp bạn khám phá ra khả năng tiềm ẩn của bản thân phát triển những loại hình thông minh khác nhau. Sách của tiến sĩ Armstrong đã được phiên dịch ra hơn 80 ấn bản bằng 26 ngôn ngữ khác nhau. | |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Chia lớp thành 4 nhóm thảo luận.  - Nhóm 1 thực hiện trả lời câu số 1 (SGK tr104)  - Nhóm 2 thực hiện trả lời câu số 2 (  (SGK tr 104)- Nhóm 3 thực hiện trả lời câu số 3 (SGK tr105)  - Nhóm 4 thực hiện trả lời câu số 4  (SGK tr 105)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, điền vào phiếu học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả thực hiện phiếu học tập. Dán bảng phụ lên bảng và đại diện các tổ nhóm lên trình bày và điều khiển lớp thảo luận.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV kết luận dựa trên kết quả thảo luận của học sinh.  Đối với câu 2, 3 GV không kết luận đúng sai mà khuyến khích hs đưa ra những suy nghĩ của mình. GV chỉ đưa ra ví dụ cách hiểu của mình. Tôn trọng suy nghĩ của HS. Củng cố chủ đề văn bản “Hiểu rõ bản thân”. | **1. Quan niệm của tác giả về “ quá trình hiểu rõ bản thân”.**  Theo tác giả, “quá trình hiểu rõ bản thân” cũng giống như việc khám phá mình là ai, mình yêu hay ghét điều gì, cảm nhận cuộc sống như thế nào, tin và ủng hộ điều gì và mình có thể làm gì cho thế giới này.   1. **Một số câu hỏi dùng để tự đánh giá bản thân.**   - Năng khiếu nổi bật nhất của bạn là gì?  - Hi vọng và ước mơ của bạn là gì?  - Điều gì làm bạn hạnh phúc?  - Bạn thật sự muốn học điều gì?  - Mục tiêu hiện tại của bạn là gì?  - Mục tiêu tương lai của bạn là gì?  -Bạn đã học được những gì từ trải nghiệm của bản thân?  - Hiện tại bạn cảm thấy như thế nào? Tại sao lại như vậy?  **3. Ý kiến về lời khuyên của tác giả**  **- Lời khuyên:“** Tuy nhiên đừng trả lời câu hỏi một lần rồi bỏ quên chúng. Hãy đặt ra những câu hỏi giống nhau tại những thời điểm khác nhau của cuộc sống- một tháng, sáu tháng tính từ thời điểm hiện tại, hay thời điểm bắt đầu năm học mới**”**  **- Ý kiến:** Đồng tình với lời khuyên của tác giả.  Vì: Ở những thời điểm khác nhau câu trả lời cho những câu hỏi đó sẽ được mở rộng và nâng cao hơn, sẽ được trả lời cụ thể, rõ ràng hơn và cũng có thể có sự thay đổi. Chúng ta ngày càng trưởng thành hơn, nhận thức của chúng ta về bản thân cũng đầy đủ, sâu sắc hơn. Và vì khám phá bản thân là một quá trình chứ không phải là một câu trả lời ở một thời điểm nhất định.  **4. Thông điệp của văn bản**  Thông điệp:  - Chỉ khi nhận thức rõ về bản thân chúng ta mới có thể cười mình. Và khi chúng ta chưa hiểu rõ về bản thân mình thì đừng vội cười người bởi :  “ Cười người chớ vội cười lâu  Cười người hôm trước, hôm sau người cười”  Theo em, ngoài việc tự trả lời các câu hỏi như văn bản gợi ý em có thể tham gia các hoạt động trải nghiệm để hiểu bản thân hơn  Liên hệ với các văn bản 1,2 trong chủ điểm: Cười mình, cười người  - Tiếng cười “ tự trào” hóm hỉnh trong “Bạn đến chơi nhà” của Nguyễn Khuyến: Tác giả hiểu rõ hoàn cảnh của mình và bằng lối nói dí dỏm, hóm hỉnh, nhà mình thức gì cũng có nhưng lại chẳng có gì để đãi bạn cho thấy tình bạn chân thành, cao đẹp vượt trên cả vật chất và mọi lễ nghi thông thường, từ đó khẳng định tình bạn sâu sắc trân quý của nhà thơ.  - Tiếng cười trào phúng, giễu nhại trong “Đề đền Sầm Nghi Đống” của Hồ Xuân Hương. Bà đã thể hiện thái độ chế giễu, khinh bỉ đối với tên Thái thú Sầm Nghi Đống- một tên tướng bại trận và thể hiện sự tự ý thức về giá trị bản thân với khát vọng bình đẳng nam – nữ muốn lập lên công danh sự nghiệp vẻ vang. |
| **III. Tổng kết** | |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật và nội dung của văn bản?  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **1. Nghệ thuật:**  - Sử dụng lí lẽ dẫn chứng thuyết phục.  - Ngôn ngữ mạch lạc, logic.  **2. Nội dung**  - Văn bản nói về cách làm thế nào để hiểu bản thân và nhận thức của chúng ta khi đặt câu hỏi về việc làm thế nào để hiểu bản thân mình hơn. |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản Hiểu rão bản thân

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ.

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  1. Kể ra một số biểu hiện của người chưa hiểu rõ bản thân  2. Kể tên một số bài thơ trào phúng mà em biết ?  3. Theo em, hiểu rõ bản thân có ý nghĩa như thế nào?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS lắng nghe và trả lời cá nhân câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** | 1. Một số biểu hiện của người chưa hiểu rõ bản thân:   - Không biết mình muốn gì, cần gì.  - Không hiểu những việc làm của mình.  - Tin những điều mà người khác nói về mình.  - Khó khăn khi phải đưa ra quyết định, chọn lựa.  - Không có ước mơ, không có mục tiêu rõ ràng.   1. Một số bài thơ trào phúng:   VD: Ngất ngưởng - Tác giả Nguyễn Công Trứ  Khóc Tổng Cóc - Tác giả Hồ Xuân Hương  Năm mới chúc nhau - Tác giả Tú Xương   1. Theo em, thấu hiểu bản thân giúp mỗi người xác định được rõ sở trường, năng lực, lí tưởng sống, mục tiêu, ước mơ…để định vị giá trị bản thân mình và để thành công. |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản liên hệ với bản thân

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học viết một đoạn văn ngắn khoảng 10-12 dòng nêu cảm nghĩ của em về tình cảm bà cháu trong văn bản trên

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV đặt câu hỏi: Trong những câu hỏi dùng để tự đánh giá bản thân mà tác giả đã nêu trong văn bản, em thích nhất câu hỏi nào? Em hãy trả lời câu hỏi đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lắng nghe và trả lời cá nhân câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Học sinh trả lời.  - HS khác nhận xét trên cơ sở tôn trọng suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét phần trả lời của học sinh và tôn trọng suy nghĩ của học sinh. GV khuyến khích học sinh bộc lộ suy nghĩ của mình.  Chúng ta phải hiểu được bản thân chúng ta muốn gì để có thể đặt mục tiêu và thực hiện nó. Có như vậy chúng ta mới có được tương lai tốt đẹp. | SP của học sinh |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** + Ôn tập, nắm được nội dung bài học

***- Bài sắp học:*** Thực hành Tiếng Việt

+ Đọc, soạn các câu hỏi sgk

**Tiết 130 THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** Tổ chức hoạt động “Think – Pair – Share ” ( Nghĩ – bắt cặp - chia sẻ)

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV dùng bảng phụ hoặc máy chiếu, thể hiện 2 ví dụ, đặt câu hỏi:  *a. Chú mèo*  *b. Con hổ*  *? Tại sao cùng là con vật nhưng cách gọi khác nhau?*  - GV yêu cầu học sinh tổ chức thảo luận nhóm đôi  - GV gọi đại diện nhóm chia sẻ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS tham gia chia sẻ câu trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Phần trả lời của học sinh  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới  **GV dẫn dắt vào bài:** Các em ạ, khi nói và viết, chúng ta luôn phải đưa ra quyết định lựa chọn từ ngữ này mà không dùng từ ngữ khác, mặc dù nghĩa cơ bản của các từ là giống nhau. Việc lựa chọn **trúng từ** mới thực sự **đem lại hiệu quả** cho hoạt động giao tiếp. Tại sao vậy? Bởi từ ngữ ngoài **nghĩa cơ bản còn có các sắc thái nghĩa**. Vậy sắc thái nghĩa của từ ngữ là gì, và có đặc điểm ra sao? Tiết học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về điều đó | Do dụng ý của người nói, ý nghĩa khác nhau..... |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Hình thành năng lực [4].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi trong SGK

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS quan sát ví dụ, thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi:  *? So sánh sự giống nhau và khác nhau trong cách gọi tên người trong hai ví dụ.*  *? Từ đó rút ra kết luận gì về cách sử dụng từ, sắc thái nghĩa của từ*.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  - Gv quan sát, hỗ trợ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  HS báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1.Ví dụ**  a. **Vị** đại biều, **vị** khách  -> Thái độ kính trọng  b. **Tên** trộm, **tên** cướp  -> Thái độ coi khinh  **2. Kết luận**  **-**Khái niệm  -Cách sử dụng từ ngữ  (SGK/100) |

**\* Hoạt dộng 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức về sắc thái nghĩa của từ để làm các bài tập.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ: Hoàn thành các bài tập trong SGK .

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc yêu cầu và làm bài tập 1/105  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** | Bài tập 1.  a. “Vểnh râu”: vốn là từ ngữ chỉ ý “nhàn nhã” với cảm xúc bông đùa hoặc chê trách.  “Lên mặt”: vốn là từ ngữ xấu, nghĩa dùng chỉ ý “tỏ ra kiêu căng, coi thường người khác”.  => Thể hiện cảm xúc tự châm biếm, tự chế giễu mình của Trần Tế Xương  b. “Quệt”: thể hiện thái độ tự tin, mạnh mẽ và có phần bông đùa, giễu cợt của Hồ Xuân Hương khi mời trầu  c. “Bảnh choẹ”: thể hiện thái độ giễu cợt, coi khinh của Nguyễn Khuyến dành cho những “tiến sĩ giấy” |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bài tập 2+3/105**  - GV yêu cầu HS bài tập, thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn  + Nhóm 1,3: Bài 2  +Nhóm 2,4: Bài 3  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV quan sát, hỗ trợ  - HS thực hiện thảo luận theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS các nhóm báo cáo kết quả;  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức | **Bài 2.**  -“Bác” là từ mà những người bạn lớn tuổi dùng để gọi nhau với sắc thái vừa kính trọng vừa thân mật.  -Câu thơ thể hiện cách xưng hô giữa những người bạn đã có tuổi; thể hiện được tình cảm sâu sắc, chân thành mà Nguyễn Khuyến dành cho người bạn của mình.  ->Nếu thay từ “bác” bằng từ “bạn”, câu thơ sẽ không giữ được sắc thái nghĩa như ban đầu nữa  **Bài 3.**  Không thể thay từ “ngang” bằng từ “lên” vì “trông ngang” mới bộc lộ được thái độ coi thường, giễu cợt của Hồ Xuân Hương khi đến đền Sầm Nghi Đống ;  (Bởi thông thường khi viếng đền, người ta có thái độ tôn kính đối với vị thần được thờ, nhưng Sầm Nghi Đống là tướng xâm lược bại trận nên không đáng được người đời dành cho thái độ đó) |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đọc yêu cầu và làm bài tập 4/105  GV yêu cầu HS bài tập, thảo luận nhóm theo kĩ thuật khăn trải bàn hoàn thành PHT   |  |  | | --- | --- | | Nghĩa của từ “**cheo leo**” | ............................................................................................................ | | Nghĩa trong ngữ cảnh | ............................................................................................................ | | Từ ngữ thay thế có nghĩa tương | ............................................................................................................  ...................................................... | | Nhận xét | ............................................................................................................  ...................................................... |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn, quan sát, hỗ trợ  *+ GV gợi dẫn:* GV cần lưu ý HS quan tâm đến sắc thái nghĩa, đến sự hiệp vần trong thơ  - HS thực hiện thảo luận theo nhóm.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV Yêu cầu HS lên trình bày; Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).  -HS: Trình bày kết quả làm việc nhóm; Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS, Chốt kiến thức | **Bài tập 4**  Nghĩa của từ “cheo leo”: cao và không có chỗ bấu víu, gây cảm giác nguy hiểm, dễ bị rơi, ngã.  -Thay thế từ “cheo leo” trong câu thơ bằng một hoặc một số từ có nghĩa tương tự như: cao ngất, cao vút, ngất ngưởng, chênh vênh  -Có thể thay thế từ “cheo leo” bằng từ “chênh vênh” vì cả hai từ đều có nghĩa cơ bản là “cao và không có chỗ bấu víu, gây cảm giác nguy hiểm, dễ bị rơi, ngã”.  -Nhưng từ “cheo leo” ngoài việc vần với từ “treo” theo luật của thơ tứ tuyệt thì còn gợi ra sắc thái giễu cợt rõ ràng hơn: đền có thế đứng không uy nghi, không vững vàng, lại heo hút.  => Việc thay thế là không phù hợp bởi làm mất đi nét nghĩa trong câu thơ, không phản ánh đúng suy nghĩ, thái độ của tác giả, việc chọn lựa và sử dụng từ ngữ cho chúng ta thấy cái hay trong sử dụng từ ngữ của Hồ Xuân Hương. |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bài tập 5/106**  GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài, làm việc theo nhóm đôi.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV quan sát, hỗ trợ.  - HS thực hiện thảo luận theo nhóm đôi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS các nhóm báo cáo kết quả;  - GV gọi HS nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc nhóm của HS, Chốt kiến thức**.**  Tác giả hỏi để tự cười cho cái vô tích sự của mình. Hỏi không phải để trả lời mà giễu mình, giễu đời. | **Bài tập 5**  Biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu thơ: Câu hỏi tu từ “*Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ?”*  - Tác dụng: Việc sử dụng câu hỏi tu từ giúp tăng sắc thái biểu cảm cho việc diễn đạt, thể hiện thái độ tự trào của tác giả trước cuộc đời, là bức chân dung tự họa chính mình. Đặc biệt, đó còn là những sự đổi thay, biến chuyển của đời sống xã hội lúc bấy giờ. |

**\* Hoạt dộng 3: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để tham gia trò chơi

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  Câu 1: *Điền từ thích hợp vào chỗ trống: "Anh ấy có một thân hình ....“*  A.Khổng lồ  B.To lớn  Câu 2. Tại sao không thể thay thế các từ in đậm cho nhau trong hai ví dụ:  a.Nó cao lắm.  b.Nó lêu nghêu  Câu 3: Điền từ thích hợp vào chỗ trống: "*Con mời ba mẹ ... cơm ạ !”*  A. Ăn  B.Chén  **Câu 4. Phân biết sắc thái nghĩa của từ “Chậm rãi” và “chậm chạp”**  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS thảo luận báo cáo kết quả;  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **1.B**  **2.** Sắc thái nghĩa khác nhau  -Cao: sắc thái bình thường  -Lêu nghêu: sắc thái chê bai  3. B  4.  **chậm rãi** chỉ mang sắc thái tích cực còn **chậm chạp** mang sắc thái tiêu cực. |

**\* Hướng dẫn tự học**

**- Bài vừa học:**

+ Ôn tập, nắm kiến thức , hoàn thành các bài tập trang 105 – 106

**- Bài sắp học: Đọc mở rộng theo thể loại: Tự trào I**

+ Đọc và soạn bài *tiếp theo*

**Tiết 131 ĐỌC MỞ RỘNG THEO THỂ LOẠI: TỰ TRÀO I**

- Trần Tế Sương -

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình từ đó HS khắc sâu kiến thức nội dung bài *Tự trào I*

**b. Nội dung:** GV cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh ai đúng” về các dân tộc trên đất nước ta mà em biết

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Gv tổ chức trò chơi đố vui “Ai nhanh hơn” để tìm hiểu các thông tin liên quan đến tác giả Trần Tế Xương?  **- Phổ biến luật chơi:** Trong thời gian 3 phút, bạn nào trả lời đúng nhiều câu nhất thì sẽ là người thắng cuộc.  Câu 1: Địa danh nào sau đây là quê hương của Trần tế Xương?  A Làng Phù Thị -Huyện Gia Lâm – Hà Nội  B Làng Yên Đổ - huyện Bình Lực – Hà Nam  C làng Vị Xuyên – Mỹ Lộc – Nam Định  D Làng Uy Viễn – Nghi Xuân – Hà Tĩnh  Đáp án C  Câu 2: Năm sinh năm mất của nhà thơ là?  A 1870 – 1907  B 1724 – 1791  C 1835 – 1909  D 1778 – 1858  Đáp án A  Câu 3: tên gọi khác của Trần Tế Xương là gì?  A Tế Xương  B Tú Xương  C Tú Mỡ  D: Tố Hữu  Đáp án B  Câu 4: Đáp án nào nói đúng về cuộc đời Tú Xương?  A: Cuộc đời, tình duyên nhiều éo le, ngang trái  B: Ngắn ngủi nhiều gian truân  C Dạy học và sống thanh bạch ở quê nhà  D Tất cả các đáp án trên  Đáp án B  Câu 5: Điểm khác biệt giữa Tú Xương và các nhà thơ khác đương thời là:  A Trần Tế Xương dành hẳn một đề tài để viết về nguời vợ đảm đang của mình bao gồm cả thơ, văn tế, câu đối.  B Trần Tế Xương sáng tác chủ yếu là thơ Nôm, ngoài ra còn phú, văn tế, câu đối.  C Trần Tế Xương sáng tác nhiều thể loại thơ khác nhau như thất ngôn bát cú, thất ngôn tú tuyệt, lục bát.  D Trần Tế Xương sáng tác gồm hai mảng: Trào phúng và trữ tình  Đáp án A  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS theo dõi, lắng nghe và trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Gv yêu cầu từng cá nhân học sinh trả lời câu hỏi  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, chốt kiến thức và dẫn dắt vào bài  **GV dẫn vào bài:** Nhắc đến những nhà thơ trào phúng trung đại thì chúng ta nhớ đến đầu tiên có lẽ là Trần Tế Xương. Quả thật thơ của ông mang những nét trào phúng đặc biệt nhất, nó không nhẹ nhàng nhưng mà thâm thúy sâu cay như Nguyễn Khuyến mà nó sâu cay, cười mỉa mai ở trước những cái sự đời. Cũng giống như Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương cũng có bài thơ tự cười chính mình, không chỉ cười xã hội mà tác giả còn cười chính bản thân mình. Và cũng chính vì vậy mà Nguyễn Khuyến có bài tự trào thì Trần Tế Xương cũng có bài Tự trào I. Bài thơ vừa thể hiện sự cười cợt, mỉa mai chính mình trước hoàn cảnh vừa thể hiện sự lo lắng cho thời cuộc, quan tâm đến vận mệnh đất nước một cách thầm kín. | HS trả lời cá nhân  Câu 1: C  Câu 2: A  Câu 3: B  Câu 4: B  Cau 5: A |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Hình thành các năng lực [1].[2],[3] và phẩm chất [7].

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thông tin tác giả, tác phẩm *“Tụ trào I”*

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **I. Trải nghiệm cùng văn bản** | |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn HS cách đọc văn bản: đọc với giọng chậm rãi, pha chút mỉa mai. Chú ý ngắt nhịp, ngữ điệu, tốc độ, âm lượng đọc phù hợp.  - Gọi 1 – 2 HS đọc.  - Hướng dẫn HS tìm hiểu một số từ ngữ khó ở phần chú thích (tr.106, sgk).  - HS trả lời phần tìm hiểu về tác phẩm trong PHT 01.  - Phát biểu nhanh về các đặc điểm thi luật của bài thơ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin và chuẩn bị trình bày.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức | **1. Đọc, giải thích từ khó**  - HS biết cách đọc diễn cảm  -Từ ngữ khó: Tự trào, phụ lão, văn thân, cuộc chuyển vần.  **2.** **Xuất xứ:** In trong *Thơ văn Trần Tế Xương,* NXB Văn học, 2010.  **3. Hoàn cảnh lịch sử cuối thế kỉ XIX – đầu thế kỉ XX:** là giai đoạn mà chế độ phong kiến đang lụi tàn, còn xã hội tư bản cũng chưa rõ ràng. Khi thực dân Pháp đặt ách cai trị toàn cõi Đông Dương thì triều đình nhà Nguyễn tại Huế chỉ còn là bù nhìn. Chế độ khoa cử chỉ còn thoi thóp khiến cho bao người tài chán ngán cảnh theo đuổi công danh, nhìn thấy rõ sự vô nghĩa của việc thi cử. Tâm trạng ngao ngán, chán chường, bế tắc là tâm trạng chung của rất nhiều trí thức giai đoạn này, trong đó có Trần Tế Xương.  **4. Đề tài:** Tự trào (Tự cười mình).  **5. Thể thơ**: theo thể thất ngôn bát cú Đường luật.  **6. Bố cục: 2 phần:**  - Sáu câu đầu: Bức chân dung tự hoạ của tác giả về bản thân.  - Hai câu sau: Tình cảm, cảm xúc của tác giả.  **7. Đặc điểm thi luật**  \* Luật: Luật trắc.  \* Vần: chỉ hiệp theo một vần là vần bằng , gieo ở cuối các câu 1, 2, 4, 6, 8 (dân-đần-dần-thân-vần).  \* Niêm: Câu 1 niêm với câu 8, câu 2 niêm với câu 3, câu 4 niệm với câu 5, câu 6 niêm với câu 7.  \* Đối: Câu 3 đối với câu 4, câu 5 đối với câu 6.  \*Nhịp: Chủ yếu ngắt nhịp 4/3, ngoài ra 3/1/3 (câu 1) hoặc 2/5 (câu 7). |
| **II. Suy ngẫm và phản hồi** | |
| **NV 1**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Nhóm 1, 2:** Hoàn thành PHT 02  **Nhóm 3, 4:** Hoàn thành PHT 03  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS hoạt động cá nhân: 2 phút  - HS thảo luận: 3 phút  - Đại diện trình bày  **GV:** theo dõi vàhướng dẫn học sinh trả lời  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  **GV**:  - Yêu cầu đại diện của nhóm lên trình bày.  - Hướng dẫn HS trình bày (nếu cần).  **HS:**  - Đại diện 1 nhóm lên trình bày sản phẩm.  - Các nhóm khác theo dõi, quan sát, nhận xét, bổ sung (nếu cần) cho nhóm bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV Nhận xét thái độ và kết quả làm việc của từng nhóm, chỉ ra những ưu điểm và hạn chế trong HĐ nhóm của HS.  - Chốt kiến thức & chuyển dẫn sang nội dung tiếp theo  **NV 2. Tìm hiểu thủ pháp trào phúng trong bài thơ**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Giáo viên yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi và trả lời câu hỏi: *Thủ pháp trào phúng nào được sử dụng trong văn bản? Tác dụng của việc sử dụng thủ pháp này?*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo cặp, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **NV 3. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **HĐ theo nhóm bàn, hoàn thành PHT 04.** (Có thể sử dụng kĩ thuật Think-Pair-Share để trao đổi, thảo luận)  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thảo luận theo nhóm bàn, suy nghĩ để trả lời.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức. | **1. Phân tích nội dung của bài thơ và tình cảm, cảm xúc của tác giả**  **a. Sáu câu đầu: Bức chân dung tự hoạ tác gia tự phác hoạ về mình.**   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Nhận xét** | | *Ngơ ngơ ngẩn ngẩn, đần, chẳng phải quan, chẳng phải dân, hầu, chè, rượu, sai vặt, vểnh râu, lên mặt, vai phụ lão, dáng văn thân* | Không phải quan cũng không phải người dân bình thương, ông Tú nhận mình là người không bình thường vì dù chỉ lĩnh “lương vợ” nhưng ngày ngày vẫn sai vặt con hầu chè rượu, có lúc tự đắc như phụ lão, văn thân. |   **b. Hai câu thơ cuối: Tình cảm, cảm xúc của tác giả**  - Câu hỏi tu từ: *Sống lâu, lâu để làm gì nhỉ?* ->Tự trả lời: *Lâu để mà xem cuộc chuyển vần*  => Tình cảm, cảm xúc của tác giả: lo lắng cho thời cuộc, quan tâm đến vận mệnh đất nước một cách thầm kín.  - Qua tình cảm, cảm xúc của tác giả bộc lộ trong hai câu cuối, ta thấy ông là người yêu nước, bất bình trước thực trạnh hỗn loạn của xã hội.  **2. Thủ pháp trào phúng trong bài thơ**  - Thủ pháp trào phúng được sử dụng là lối nói hóm hỉnh,giễu nhại thể hiện qua các động từ như *vểnh râu, lên mặt*, danh từ *phụ lão, dáng văn thân*, các từ ngữ *chẳng,* *ngơ ngơ ngẩn ngẩn, đần,….*  **=>** Thủ pháp này giúp tác giả bày tỏ “sự cảm thấy không phải với chính mình” (Trần Đình Sử), bất lực với chính mình. Tiếng cười ở đây mang ý nghĩa giải thoát cho sự bức bách, bất lực trước hoàn cảnh của Trần Tế Xương.  **3. Chủ đề, cảm hứng chủ đạo và thông điệp của văn bản**  **a. Chủ đề:** Tiếng cười tự giễu vì sự bất lực của bản thân trước hoàn cảnh xã hội giao thời đầy nhiễu nhương.  **- Căn cứ để xác định chủ đề:** Những từ ngữ, hình ảnh với lối nói giễu nhại.  **b. Cảm hứng chủ đạo:** Cảm hứng về hoàn cảnh của chính mình, về thời cuộc, đất nước.  **c. Thông điệp:** Sự tự nhận thức về tình cảnh của mình: bất lực trước hoàn cảnh và tố cáo xã hội giao thời đầy nhiễu nhương, mâu thuẫn đã đẩy những trí thức như ông vào tình cảnh này. |
| **III. Tổng kết** | |
| **\* GV chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  + Bài thơ có những đặc sắc gì về nghệ thuật ?  + Cho biết nội dung bài thơ.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ học tập:**  HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **\* Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + HS trình bày sản phẩm thảo luận  + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **\* Nhận xét, đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng  GV chuẩn kiến thức: | **1. Nghệ thuật**  - Giọng thơ hóm hỉnh, mỉa mai, châm biếm.  - Thủ pháp nói giễu tạo tiếng cười trong văn bản  **2. Nội dung**   Qua tiếng cười tự trào, bất lực trước hoàn canh của chính mình, nhà thơ đã thể hiện sự lo lắng trước thời cuộc, quan tâm đến vận mệnh đất nước. |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học về văn bản *Tự trào I*

**b. Nội dung:** Gv tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” để hướng dẫn học sinh củng cố kiến thức đã học

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Gv chuyển giao nhiệm vụ:  Gv tổ chức trò chơi “Rung chuông vàng” để hướng dẫn học sinh củng cố lại kiến thức đã học.  **Câu 1.** Bài thơ được gieo vần gì?  A. Vần lưng  B. Vần liền  **C. Vần chân**  D. Vần cách  **Câu 2.** Có thể chia bố cục bài thơ theo những cách nào?  A. Bốn phần (mỗi phần 2 câu) hoặc hai phần (2 câu đầu và 6 câu cuối)  **B. Hai phần (6 câu đầu và 2 câu cuối)**  C. Hai phần (mỗi phần 4 câu) hoặc bốn phần (mỗi phần 2 câu)  D. Ba phần (3 câu đầu, 3 câu tiếp và 2 câu cuối) hoặc ba phần (2 câu đầu, 2 câu tiếp và 4 câu cuối)  **Câu 3.** Phép đối trong bài thơ xuất hiện ở những cặp câu nào?  A. 1 – 2 và 3 – 4  **B. 3 – 4 và 5 – 6**  C. 5 – 6 và 7 – 8  D. 1 – 2 và 7 – 8  **Câu 4.** “Tự trào” có nghĩa là gì?  A. Tự kể về mình  B. Tự viết về mình  C. Tự nói về mình  **D. Tự cười mình**  **Câu 5.** Trong bài thơ trên, nhân vật trữ tình “tự trào” điều gì?  A. Cái nghèo của mình  B. Cái dốt nát của mình  C. Cái khôn ngoan của mình  **D. Sự bất lực của bản thân trước hoàn cảnh và thời cuộc**  **Câu 6.** “Tự trào” cho thấy rõ nhất điều gì ở nhân vật trữ tình?  **A. Lòng yêu nước**  B. Sự hiếu học  **C. Lòng tự trọng**  D. Tính hài hước  Câu 7: Thủ pháp trào phúng được tác giả sử dụng là:  **A Cách nói ngược để tự trào, mỉa mai**  B: Cách nói phóng đại  C cách lời nghịch lý để phê phán, mỉa mai.  D cách nói ẩn dụ giễu nhại  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS chuẩn bị bảng con và phấn  - Theo dõi câu hỏi và ghi đáp án vào bảng con  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS giơ đáp án. HS nào sai thì mất quyền chơi.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá** | Câu 1: C  Câu 2: B  Câu 3:B  Câu 4: D  Câu 5: D  Câu 6: A |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản sưu tầm thêm những bài thơ khác cùng chủ đề.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để sưu tầm thêm những bài thơ khác cùng chủ đề .

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  *GV yêu cầu HS sưu tầm một bài thơ trào phúng khác của Trần Tế Xương và phân tích tiếng cười trào phúng trong bài thơ đó.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS thực hiện sưu tầm và phân tích.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau , yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá | **Gợi ý**  **Bài thơ “Nhà nho giả danh” (Trần Tế Xương):***Hỏi thăm quê quán ở nơi mô? Không học mà sao cũng gọi “đồ” ? Ý hẳn người yêu mà gọi thế, Hay là mẹ đẻ đặt tên cho ? Áo quần đinh đáo trông ra “cậu”. Ăn nói nhề nhàng khác giọng ngô. Hỏi mãi mới ra thằng bán sắt, Mũi nó gồ gồ, trán nó giô.*  Đối tượng trào phúng: những kẻ giả danh thầy đồ, nhà Nho; rộng ra là cả xã hội đương thời khi mà chữ Nho đang đến ngày mạt vận, nên dễ dàng tìm thấy những thứ “hàng giả” ở khắp mọi nơi. Tiếng cười trào phúng của Tú Xương nhắm tới một đối tượng cụ thể trong xã hội, đó là “thằng bán sắt”, nhân khi thiên hạ nhốn nháo bèn nhảy ra sắm vai một anh có học thức. Thật giả cứ lẫn lộn lung tung, nền nếp nho phong loạn ẩu xô bồ. Đó là nguồn cớ cho cơn tai biến của suy đồi đạo đức xã hội. |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** + Ôn tập, nắm được các đặc điểm về thể thơ, nội dung, nghệ thuật của bài thơ

***- Bài sắp học:*** Viết: Viết bài phân tích một tác phẩm văn học

+ Đọc, soạn các câu hỏi sgk

**\* Phiếu học tập:**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02:**  **Tìm hiểu sáu câu đầu: Bức chân dung tác giả tự phác hoạ về bản thân**   |  |  | | --- | --- | | **Từ ngữ, hình ảnh mà tác giả đã sử dụng để tự phác hoạ bức chân dung về bản thân** | | | **Từ ngữ, hình ảnh** | **Nhận xét** | |  |  | |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 03:**  **Hai câu cuối: Tình cảm, cảm xúc của tác giả**  Theo em, tác giả đã thể hiện tình cảm, cảm xúc gì trong hai câu thơ cuối? Điều đó giúp ta hiểu gì về nhà thơ?  .................................................................................................................................................................................................................................................................... |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHT 04:**  **CHỦ ĐỀ VÀ CẢM HỨNG CHỦ ĐẠO VÀ THÔNG ĐIỆP CỦA BÀI THƠ** | |
| **Chủ đề và căn cứ để xác định chủ đề** | * **Chủ đề:**   **- Căn cứ để xác định chủ đề:** |
| **Cảm hứng chủ đạo** |  |
| **Thông điệp** |  |

**Tiết 132-133 Viết:**

**VIẾT BÀI VĂN PHÂN TÍCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC**

**Thời gian thực hiện: 2 tiết**

**\* Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** GV nêu câu hỏi, HS trả lời.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  1. Kĩ thuật trình bày 01 phút:  **Yêu cầu**:  1. *Nêu tên một tác phẩm thơ Đường luật mà em yêu thích (trong SGK hoặc ngoài SGK). Hãy đưa ra một vài lời đánh giá về tác phẩm thơ đó.*  2. Sau khi học và phân tích một bài thơ Đường luật, chúng ta cần lưu ý những điều gì về hình thức và nội dung?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nhớ lại kiến thức, phát biểu.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời từng thành viên trong lớp chia sẻ  **Bước 4: Đánh giá kết quả, thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, khen ngợi HS.  - Từ chia sẻ của HS.  GV đặt ra vấn đề của bài học: *Em đã học kiểu bài văn phân tích một tác phẩm văn học ở bài “Yêu thương và hi vọng”. Trong bài học này, em sẽ vận dụng các kĩ năng viết kiểu bài đẻ phân tích một bài thơ.* | \*HS chia sẻ suy nghĩ của bản thân.  - HS đọc các bài thơ đã sưu tầm, lưu tập san.  - HS có thể nêu ý kiến đánh giá của bản thân hoặc của các nhà nghiên cứu khác.  \*Lưu ý khi học và phân tích một bài thơ Đường luật:   * Cần hiểu được bài thơ là lời của ai; nói về điều gì; nói bằng cách nào; cách nói ấy có gì độc đáo, đáng nhớ (*nghệ thuật đối, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ,…)*   - Cần chỉ ra được tình cảm, cảm xúc của chủ thể trữ tình và những tác động của chúng đến suy nghĩ và tình cảm của người đọc. |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Hình thành các năng lực [1].[2],[3] và phẩm chất [7].

**b. Nội dung:** HS sử dụng sgk, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Nhiệm vụ 1.**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - HS đã được học kiểu bài này ở bài Yêu thương và hi vọng (Ngữ văn 8, tập hai), do đó, GV gợi nhắc yêu cầu về kiểu bài bằng cách cho HS điền vào PHT 1.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS đọc thông tin.  - Cá nhân HS hoàn thành PHT 1.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS phát biểu, yêu cầu cả lớp nhận xét, góp ý, bổ sung (nếu cần thiết).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức  **Nhiệm vụ 2.** **Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV yêu cầu HS đọc ví dụ: *Phân tích bài thơ Rằm tháng Giêng (Nguyên Tiêu)*  - GV hướng dẫn HS thảo luận các yêu cầu phân tích kiểu văn bản và haoàn thành PHT 02.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  + Tổ chức trao đổi theo câu hỏi, thực hiện nhiệm vụ.  + HS dự kiến câu trả lời  + GV quan sát, khuyến khích  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  + Đại diện nhóm bàn trả lời câu hỏi  + GV gọi nhóm khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức ( Phiếu học tập 2)  **Nhiệm vụ 3. Hướng dẫn quy trình viết**  **Thao tác 1. TRƯỚC KHI VIẾT**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **\*GV hướng dẫn HS xác định mục đích viết, người đọc và lựa chọn bài thơ sẽ phân tích:**  HS trả lời các câu hỏi sau:  *1. Bài viết của em nhằm mục đích gì và em hướng tới người đọc sẽ là ai?*  *2. Kể tên một số bài thơ mà em đã học hoặc đã đọc*.  *Em sẽ chọn bài thơ nào để phân tích?*  \***GV hướng dẫn HS tìm ý:**  Trên cơ sở bài thơ đã chọn, HS có thể tìm ý theo phiếu hướng dẫn Tìm ý theo **Phiếu HT số 3.**  **\*GV hướng dẫn HS lập dàn ý:**  HS sử dụng kết quả của phần Tìm ý để Lập dàn ý cho bài viết theo hướng dẫn SGK/ Tr.109, 110  HS cần chú ý những yêu cầu đối với kiểu bài để tập trung vào trọng tâm.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS lần lượt thực hiện từng yêu cầu của GV.  - HS dự kiến câu trả lời, ghi ra giấy.  - GV quan sát, hỗ trợ, khuyến khích.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày bài viết.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  + GV: Nhận xét thái độ tham gia nhiệm vụ, sản phẩm học tập của HS.  + GV: tư vấn HS, bổ sung những thông tin còn thiếu,… giúp hoàn thiện.  **Thao tác 2. TÌM Ý VÀ LẬP DÀN Ý**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **-** GV chia lớp thành 4 nhóm:  + Nhóm 1,2 phiếu học tập 2.  + Nnhoms 3,4 phiếu học tập 3  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thảo luận, mỗi bạn điền ý kiến cá nhân vào các góc của phiếu thảo luận.  - Cuối cùng, các nhóm thống nhất và ghi lại câu trả lời ở phần giữa phiếu thảo luận  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời đại diện các nhóm dán phiếu học tập lên bảng.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức Ghi lên bảng.  **Thao tác 3 . VIẾT BÀI**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  \*GV hướng dẫn HS theo dõi SGK/ Tr.110 và trả lời câu hỏi:  *? Để viết triển khai đầy đủ các ý trong dàn ý, em cần viết từng phần như thế nào?*  *? Kiểu bài phân tích một bài thơ khác với kiểu bài ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ (đã học trong chương trình Ngữ văn 7) như thế nào?*  \*GV nêu lưu ý chung cho HS khi viết phải đảm bảo.  \*Trong thời gian ngắn trên lớp, GV có thể tổ chức cho HS viết phần mở bài, 01 luận điểm của Thân bài để đọc và rút kinh nghiệm luôn trên lớp. Sau đó, GV yêu cầu HS về nhà hoàn thành bài viết.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát hướng dẫn trong SGK để trả lời câu hỏi.  **-** GV hướng dẫn HS thực hiện các thao tác cần thực hiện khi viết.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày.  - HS khác nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, yêu cầu HS viết ngay trên lớp hoặc hoàn thành ở nhà.  - Tuyên dương, khích lệ HS, chốt lưu ý.  - GV chuyển dẫn sang mục tiếp theo.  **Thao tác 4. XEM LẠI, CHỈNH SỬA VÀ RÚT KINH NGHIỆM**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nhắc lại yêu cầu của kiểu bài văn phân tích một bài thơ.  - GV gọi 2 – 3 HS đọc bài viết của mình. HS căn cứ vào **bảng kiểm** để đánh giá bài viết của bạn. (Bảng kiểm bên dưới)  - GV nhận xét chung về mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt ở bài viết của HS, rút ra những gì cần phát huy, chỉnh sửa hoặc bổ sung.  - GV yêu cầu các em dựa vào **bảng kiểm** để chỉnh sửa theo những điều GV vừa phân tích, bổ sung ở trên (việc chỉnh sửa có thể tiến hành theo hình thức trao đổi nhóm).  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  **-** HS nhận xét các bài viết được đọc qua **bảng kiểm.**  - HS tự đánh giá bài viết và chỉnh sửa bài viết của mình theo **bảng kiểm.**  - HS đổi chéo bài cho nhau trong bàn để đối chiếu, rà soát  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV nhận xét, đánh giá, bổ sung. | **I. Tìm hiểu tri thức về kiểu bài**  **Phiếu học tập số 1**   |  |  | | --- | --- | | **a: Khái niệm:**  Phân tích một tác phẩm văn học thuộc kiểu bài nghị luân văn học, trong đó người viết dùng lí lẽ, bằng chứng đế làm rõ chủ để và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. | | | **b. Yêu cầu đối với kiểu bài** | | | **Nội dung** | - Nêu được chủ để; nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm văn học, ví dụ: hình ảnh, từ ngữ, các biện pháp tu từ (đối với văn bản thơ); tình huống, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, ngôi kể (đối với văn bản truyện),... | | **Hình thức** | - Lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc; sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhân ra mạch lập luận | | **Bố cục bài viết** | **- Mở bài:** giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả,...), nêu ý kiến khái quát vể chủ để và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  **- Thân bài:** lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ để và một số nét đặc sắc vể hình thức nghệ thuât trong tác phẩm.  **- Kết bài:** khẳng định lại ý kiến vế chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm. |   **II. Hướng dẫn phân tích kiểu văn bản**  **\* Bước 1: Đọc bài văn: Phân tích bài thơ *Rằm tháng Giêng:***  - Đọc bài văn( tr.107, 108 sgk)  - Xem cách phân tích một tác phẩm văn học.  **\* Bước 2:** **Nhận xét, phân tích các yêu cầu**  (1) Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong bài viết:  \* LĐ 1: Đặc sắc về nghệ thuật: chất liệu thơ Đường; Bút pháp chấm phá và “tả cảnh ngụ tình” của thơ Đường.  - Lí lẽ:+ Nguyên tiêu là rằm tháng Giêng,một đêm trăng viên mãn đầu tiên của một năm…tròn đầy.  + Câu thơ đầu tiên…viên mãn.  + Câu thơ thứ hai…bầu trời  - Bằng chứng: “Xuân giang, xuân thuỷ, tiếp xuân thiên…mùa xuân  \* LĐ 2: Chủ đề của tác phẩm.  - Lí lẽ: Nỗi cô đơn và nỗi buồn man mác…kháng chiến.  + Bằng chứng: Hai câu “chuyển”. “hợp” tạo được không khí hiện đại…thuyền chở đầy ánh trăng.  => Các lí lẽ, bằng chứng đều góp phần làm sáng tỏ luận điểm.  (2) Để làm nổi bật các luận điểm, tác giả đã sử dụng những từ ngữ: *trước hết, mặt khác.*  (3) Một số lưu ý khi viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học:  + Tìm hiểu thông tin về tác phẩm văn học.  + Chỉ ra các luận điểm để làm sáng tỏ bài viết.  + Trình bày lí lẽ, dẫn chứng mạch lạc và thuyết phục,…  **III. Hướng dẫn quy trình viết và thực hành**  **Đề bài: *Câu lạc bộ văn học trường em tổ chức cuộc thi viết với chủ đề: “Tác phẩm tôi yêu”. Em hãy viết một bài thơ mà em yêu thích để tham gia cuộc thi này.***  **Bước 1: Chuẩn bị viết**  **\*Xác định mục đích viết:** Làm rõ cái hay, cái đẹp về chủ đề và nghệ thuật của một bài thơ.  **\*Người đọc:** Những người có nhu cầu hiểu biết về thơ hoặc về bài thơ được phân tích.  **a. Lựa chọn bài thơ**  - Liệt kê một số bài thơ: *Thu vịnh, Thu ẩm của* Nguyễn Khuyến*; Qua Đèo Ngang, Thăng Long thành hoài* cổ (Bà Huyện Thanh Quan*),* chùm thơ *Tự tình* (Hồ Xuân Hương); *Độc Tiểu Thanh kí* (Nguyễn Du): *Xuân hiểu* (Trần Nhân Tông); *Nam quốc sơn hà* (thời Lý); *Tụng giá hoàn kinh sư* (Trần Quang Khải);…  - Lựa chọn một bài thơ bản thân hiểu và yêu thích để phân tích.  - Thu thập tài liệu liên quan: bài báo, bài nghien cứu, sách tham khảo,…  **Bước 2: Tìm ý và lập dàn ý**  **\*Tìm ý:** Đọc bài thơ nhiều lần để xác định chủ đề, một số biện pháp nghệ thuật và tác dụng của chúng…(điền vào PHT 02)  **\* Lập dàn ý**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mở bài** | - Giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả,…)  - Nêu khái quát về chủ đề và mộ vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm. | | | **Thân bài** | \* Lần lượt chi tiết hoá từng luận điểm: | | | Luận điểm 1 | Phân tích chủ đề của tác phẩm:   * Phân tích hình tượng thơ (hình tượng thiên nhiên, hình tượng con người) * Phân tích cảm xúc, tâm trạng của nhà thơ * Khái quát chủ đề của bài thơ | | Luận điểm 2 | Phân tích một số nét đặc sắc về nghệ thuật:   * Cách sử dụng thể thơm. * Nhịp điệu * Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ (từ ngữ, cấu trúc câu thơ, biện pháp tu từ,…) | | **Kết bài** | Khẳng định lại chủ đề và giá trị của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm.  **-** Nêu suy nghĩ/cảm xúc về tác phẩm, chỉa sẻ bài học rút ra cho bản thân. | |   **Bước 3: Viết bài**  **-** Dựa vào dàn ý đã xây dựng để luyện tập kĩ năng viết.  - Yêu cầu chung khi viết bài:  + Nêu rõ từng luận điểm  + Lần lượt làm rõ từng luận điểm bằng các lí lẽ, bằng chứng trích từ bài thơ  **Bước 4: Xem lại, chỉnh sửa và rút kinh nghiệm**   * Sau khi viết bài xong, HS xem lại, chỉnh sửa dựa vào bảng kiểm (dưới đây) * Đọc lại và trả lời câu hoi với vai trò người đọc:   + Em thích điều gì ở bài viết này.  + Bài viết này cần điều chỉnh những gì để đáp ứng yêu cầu của kiểu bài? |

**\* Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Phát triển kỹ năng tự làm được những việc của mình ở nhà và ở trường theo sự phân công, hướng dẫn.

**b. Nội dung:** HS thực hành bài viết và chia sẻ kết quả, nhận xét, đánh giá dựa trên bảng kiểm.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập:**  **(1) Chuẩn bị trước khi viết**  **(2) Thực hành viết theo nhóm**  GV chia lớp thành 4 nhóm:  **- Nhóm 1:** Viết đoạn mở bài.  **- Nhóm 2:** Viết đoạn phân tích đặc điểm thứ 1 của tác phẩm.  **- Nhóm 3:** Viết đoạn phân tích đặc điểm thứ 2 của tác phẩm.  **- Nhóm 4:** Viết đoạn kết  **(3)** **Trình bày sản phẩm**  **(4)** **Dùng bảng kiểm đánh giá bài viết.**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS viết đoạn văn/bài văn theo nhóm  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm, nhóm còn lại dựa vào bảng kiểm nhận xét, bổ sung (nếu có).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**\* Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học về văn bản *sưu tầm thêm những bài thơ khác cùng chủ đề ( học thuộc một bài thơ )*

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để *sưu tầm thêm những bài thơ khác cùng chủ đề ( học thuộc một bài thơ )*

**c) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1:** GV chuyển giao nhiệm vụ học tập  - GV yêu cầu học sinh về nhà chỉnh sửa, hoàn thiện bài viết.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  **-** HS thực hiện theo yêu cầu của GV  **-** HS nộp bài cho GV (theo thời gian quy định)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp vào buổi học sau , yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  Nhắc lại những kiến thức trọng tâm HS cần nhớ.  - Nhận xét diễn biến tiết học, thái độ học tập, thảo luận.  *-* Nhắc HS chuẩn bị nội dung bài nói. | SP của học sinh |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** - Yêu cầu HS về nhà hoàn chỉnh bài viết theo yêu cầu.

***- Bài sắp học:***

- Chuẩn bị bài nói và nghe: **THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

+ Tham khảo trước các chủ đề thảo luận.

+ Xem kĩ các bước thực hiện.

**Phụ lục**

**PHT SỐ 1 TRI THỨC VỀ KIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **a: Khái niệm:** | |
| **b. Yêu cầu đối với kiểu bài** | |
| **Nội dung** |  |
| **Hình thức** |  |
| **Bố cục bài viết** |  |

**PHT 02: PHÂN TÍCH BÀI VIẾT THAM KHẢO**

|  |  |
| --- | --- |
| **Yêu cầu** | **Nội dung câu trả lời** |
| Hệ thống luận điểm, lí lẽ, bằng chứng trong và mối quan hệ giữa chúng |  |
| Từ ngữ làm nổi bật luận điểm |  |
| Từ VB, rút ra một số lưu ý khi viết bài nghị luận phân tích một tác phẩm văn học |  |

**Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP 03: PHIẾU TÌM Ý** | |
| **Gợi ý: Hãy đọc kĩ bài thơ đã chọn và dựa vào đặc điểm cơ bản của thể thơ để xác định các phương diện chủ đề và nghệ thuật cần phân tích:** | |
| **\*Thông tin cơ bản về tác giả,** | **…** |
| **\*Tìm hiểu về bài thơ:** | **…** |
| 1. Hoàn cảnh sáng tác bài thơ | **…** |
| 2. Nhan đề bài thơ và ý nghĩa nhan đề | **…** |
| 3. Bố cục của bài thơ | **…** |
| 4. Đề tài | **…** |
| 5. Chủ đề của bài thơ:  *- Bài thơ tập trung khắc hoạ những hình tượng nào? Hình tượng thiên nhiên/ con người hiện lên với những đặc điểm gì?*  *- Qua đó, tác giả thể hiện những cảm xúc, tâm trạng nào?* | **…** |
| 6. Đặc sắc nghệ thuật của bài thơ:  - *Chỉ ra các yếu tố thi luật của thể thơ (niêm, luật bằng trắc, vần, nhịp, đối,...)*  *- Nhận xét đặc sắc về từ ngữ, hình ảnh, nghệ thuật tả cảnh ngụ tình, các biện pháp tu từ khác,…* | **…** |

**Bảng kiểm kĩ năng viết bài văn phân tích một tác phẩm thơ: Chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | | **Đạt** | **Chưa đạt** |
| **Mở bài** | Nêu tên bài thơ, thể loại và tên tác giả (nếu có). |  |  |
| Nêu khái quát nét đặc sắc của tác phẩm (chủ đề, yếu tố hình thức nổi bật,...). |  |  |
| **Thân bài** | Nêu chủ đề của tác phẩm. |  |  |
| Nêu một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm (từ ngữ, hình ảnh, biện pháp tu từ,...). |  |  |
| Phân tích giá trị cùa một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật |  |  |
| [Sử dụng các bằng chứng có trong tác phẩm.](https://blogtailieu.com/giao-an-lop-8) |  |  |
| Sử dụng các phương tiện liên kết để liên kết các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. |  |  |
| **Kết bài** | Khẳng định một vài nét đặc sắc nổi bật của tác phẩm (chủ đề, hình thức nghệ thuật,...). |  |  |
| Nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiêm cá nhân hoặc bài học bản thân rút ra từ tác phẩm. |  |  |
| **Diễn đạt** | Viết đúng chính tả, từ vựng, ngữ pháp. |  |  |

**Tiết 134 -135 NÓI VÀ NGHE:**

**THẢO LUẬN Ý KIẾN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TRONG ĐỜI SỐNG**

**\*Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Kết nối – tạo hứng thú cho học sinh, chuẩn bị tâm thế tiếp cận kiến thức về kiểu bài, kết nối kiến thức trong cuộc sống vào nội dung của bài học.

**b. Nội dung:** HS trả lời câu hỏi.

**c.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Gv chiếu video 1: về tự nhận thức bản thân mình và yêu cầu HS vừa xem vừa nói được vấn đề đặt ra trong video là gì? Nó có biểu hiện như thế nào? Vai trò và ý nghĩa của nó với bản thân em?  <https://www.youtube.com/watch?v=1M7uviWfRKw>  HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ, trả lời.  - GV quan sát, động viên.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** GV gọi 1 – 2 HS trả lời.  - HS khác nhận xét, bổ sung**.**  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá kết quả  GV nhận xét, cho điểm và dẫn dắt vào nội dung tiết học:  Ở bài *Sắc thái của tiếng cười (Ngữ văn 8,* tập một), em đã học cách thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống. Trong phần bài học này, em sẽ sử dụng những kĩ năng đã có để thảo luận về vấn đề ý nghĩa của sự tự nhận thức bản thân, từ đó, từng bước hoàn thiện chính mình | HS quan sát, lắng nghe và trả lời câu hỏi. |

**Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**Thực hành nói và nghe**

**a. Mục tiêu:**

- HS xác định được mục đích nói và người nghe

- Chuẩn bị nội dung nói và luyện nói

**b. Nội dung:**

- GV hỏi và nhận xét câu trả lời của HS

- HS trả lời câu hỏi của GV

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **NV1. Chuẩn bị**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Gv tổ chức buổi tọa đàm:  HS đóng vai người trình bày và đóng vai người tham dự.    **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS của lớp phân theo nhóm bầu ra nhóm trưởng.  -Dự kiến KH: Lớp chia thành 4 nhóm: 2 nhóm thể hiện quan điểm đồng tình; 2 nhóm thể hiện quan điểm không đồng tình.  -Sau đó HS lập dàn ý theo sơ đồ để thảo luận.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày kết quả đã thảo luận của nhóm.  - Thư kí ghi chép và tổng hợp các ý kiến theo mẫu bên dưới  - Phản hồi ý kiến: Lắng nghe và phân tích những điểm hợp lí và chưa hợp lí.  - Thống nhất ý kiến: Việc tranh luận về nhân vật có thể không đi đến kết luận cuối cùng là ai đúng ai sai, điều quan trọng là mỗi ý kiến tranh luận phải dựa trên bằng chứng và lập luận chặt chẽ thuyết phục được nhiều thành viên trong nhóm ủng hộ, đồng tình  **Ý KIẾN**  ….  **Lí lẽ 1**  **Lí lẽ 2**  **Lí lẽ 3**  **Bằng chứng**  ……….  ………..  **Bằng chứng**  ……….  ……….  **Bằng chứng**  ………  ……….  .  GV quát sát, hướng dẫn các em thực hiện trao đổi  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Nhận xét phần trả lời của HS và chốt mục đích nói, chuyển dẫn.  **NV2. Thảo luận**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  GV tổ chức buổi tọa đàm: **“Lắng nghe thiếu niên nói”**  + Gv sẽ chọn 2 nhóm của 2 đội đồng tình/ không đồng tình nhanh nhất để làm đội chơi. 2 nhóm còn lại sẽ làm ban giám khảo (Mỗi nhóm cử ra 3 bạn làm BGK).  +2 nhóm làm đội chơi thực hiện phần nói theo dàn ý đã chuẩn bị.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS xem lại dàn ý của HĐ viết  - GV hướng dẫn HS nói theo phiếu tiêu chí  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS nói (4 - 5 phút).  - GV hướng dẫn HS nói, trình bày trước cả lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Nhận xét HĐ của HS và chuyển dẫn sang mục sau.  **NV 3. Trao đổi và đánh giá**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Trình chiếu (phát) bảng kiểm trình bày ý kiến về một vấn đề trong đời sống    - Yêu cầu HS đánh giá theo bảng kiểm  Hướng dẫn HS đóng vai trò người nghe, ghi lại  + 3 ưu điểm về phần tóm tắt của bạn  + 2 hạn chế  + 1 đề xuất thay đổi, điều chỉnh bài nói  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV**:** Hướng dẫn HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo bảng kiểm  HS ghi nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn ra giấy.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu HS nhận xét, đánh giá.  - HS nhận xét, đánh giá HĐ nói của bạn theo phiếu đánh giá các tiêu chí nói.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét HĐ nói của HS, nhận xét nhận xét của HS và kết nối sang hoạt động sau. | **1. Chuẩn bị**  -Thành lập nhóm và phân công công việc.  -Nhóm 1, 3: Đồng tình  Nhóm 2, 4: Không đồng tình  - Chuẩn bị nội dung buổi thảo luận:  + HS đọc lại VB, tìm hiểu kĩ nhân vật, chuẩn bị lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ quan điểm  -Thống nhất mục tiêu và thời gian thảo luận  **\* Tập luyện**  - Đại diện nhóm sẽ trình bày ý kiến thống nhất của nhóm mình dựa trên những lí lẽ, dẫn chứng mà các nhóm đã tranh luận, phản biện.  - HS tập nói một mình trước gương.  - HS tập nói trước nhóm/tổ.  **2. Trình bày bài nói**  - HS nói trước lớp  - Yêu cầu nói:  + Nói đúng mục đích (ý kiến của bản thân về vấn đề được nói đến).  + Nội dung nói có mở đầu, có kết thúc hợp lí.  + Nói to, rõ ràng, truyền cảm.  + Điệu bộ, cử chỉ, nét mặt, ánh mắt… phù hợp  **3. Trao đổi và đánh giá bài nói**  - Nhận xét chéo của HS với nhau dựa trên phiếu đánh giá tiêu chí (bảng kiểm).  - Nhận xét của HS |

**\*Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

**b. Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân làm bài tập của GV giao.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên giao bài tập cho HS. Gv chia nhóm lớp thành 2 chủ đề để giải quyết bài tập  **Chủ đề 1:** Việc ghi chép bài học môn Ngữ văn có thật sự cần thiết?  **Chủ đề 2 :** Điểm số có thật sự quyết định năng lực học tập của bạn?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi, bày tỏ ý kiến; tìm kiếm lí lẽ, dẫn chứng để bảo vệ ý kiến  - HS liệt kê một số việc giúp học tốt môn Ngữ văn như (luyện đọc nhiều, tập trung và dành thời gian đọc lại, tập trung nghe và tránh làm việc riêng và ghi chép bài đầy đủ, gạch dưới ý chính và sử dụng sơ đồ tư duy...)  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV yêu cầu HS trình bày sản phẩm của mình.  - HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chỉnh sửa, góp ý cho HS. |  |

**\*Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để chỉnh sửa, rút kinh nghiệm.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Bài tập: Hãy tìm thêm một số đề tài/chủ đề có thể gây tranh cãi và hãy tìm những lí lẽ để thuyết phục người khác về ý kiến của mình về một trong các vấn đề đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.  - HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.  - HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV qua hệ thống CNTT mà GV hướng dẫn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).  - Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau. |  |

**\* Hướng dẫn tự học:**

- Bài vừa học: Ôn tập, nắm được các bước thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống.

- Bài sắp học: [**ÔN TẬP**](#bookmark54)

**Tiết 136 ÔN TẬP**

**\*Hoạt động 1: Khởi động**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình.

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **HS** Nêu lại các nội dung chính đã học ở bài 9?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trao đổi, chia sẽ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1 – 2 HS trình bày , yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá.  - GV dẫn vào bài Ôn tập: *Tiết này, chúng ta sẽ ôn tập lại các nội dung đã học trong* ***bài 10***. ***Cười mình, mình cười*** |  |

**\*Hoạt động 2: Hinh thành kiết thức mới**

**a. Mục tiêu:** Ghi nhớ và vận dụng những kiến thức đã học trong ***bài 10***. ***Cười mình, mình cười***

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Chia lớp thành 4 nhóm  - Nhóm 1,2 thực hiện câu 1,2,3,4 SGK/98 tương ứng 4 nhiệm vụ:  **NV1( Câu 1).** Đọc lại các bài thơ *Bạn đến chơi nhà, Đề đền Sầm nghi Đống, Tự trào I và hoàn thành vào bảng sau:*   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | ***Bạn đến chơi nhà*** | ***Đề đền Sầm Nghi Đống*** | ***Tự trào I*** | | **Thủ pháp trào phúng** |  |  |  | | **Tình cảm, cảm xúc của tác giả** |  |  |  | | **Chủ đề** |  |  |  | | **Thông điệp** |  |  | . |   **NV2 (Câu 2).** Khitìm hiểu một bài thơ trào phúng, cần lưu ý điều gì?  **NV3 (Câu 3).** Vì sao khi lựa chợn từ ngữ, ngoài việc quan tâm đến phần ý nghĩa cơ bản, chúng ta cần quan tâm đến sắc thái nghĩa của từ?  **NV4 (Câu 4).** Việc dùng các từ ngữ in đậm trong các câu dưới đây có phù hợp không? Vì sao?  a. Ông ấy là một doanh nhân **lọc lõi** được nhiều người ngưỡng mộ.  b. Bà ấy tuy tuổi đã cao nhưng gương mặt vẫn rất **xinh**.  - **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - Nhiệm vụ **(1)**: 2 HS trình bày; HS khác lắng nghe, trao đổi, bổ sung (nếu có).  - Nhiệm vụ **(2)**: đại diện 1 HS trình bày; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  - Nhiệm vụ **(3)**: đại diện 1 nhóm HS trình bày; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  - Nhiệm vụ **(4)**: đại diện 1 nhóm HS trình bày; các nhóm khác lắng nghe, nhận xét.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Chia lớp thành 3 nhóm  - Các nhóm thực hiện câu 5,6,7 SGK/1143 tương ứng 3 nhiệm vụ:  **NV1 (Câu 5).** Khi viết bài văn phân tích một bài thơ, chúng ta cần đảm bảo những yêu cầu nào?  **NV2 (Câu 6)**. Để việc thảo luận ý kiến về một vấn đề của đời sống diễn ra hiệu quả, chúng ta cần lưu ý những gì?  **NV3 (Câu 7).** Việc dùng tiếng cười để tự phê bình bản thân và phê bình người khác có tác dụng gì?  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Các nhóm thực hiện nhiệm vụ  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  **-** Đại diện nhóm lần lượt trình bày.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt đáp án. | **I. Ôn phần Đọc – Hiểu**  **BT 1.**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | ***Bạn đến chơi nhà*** | ***Đề đền Sầm Nghi Đống*** | ***Tự trào I*** | | **Thủ pháp trào phúng** | Thủ pháp phóng đại kết hợp với lối nói hóm hỉnh | Thủ pháp nói giễu | Thủ pháp nói giễu kết hợp với lối nói hóm hỉnh | | **Tình cảm, cảm xúc của tác giả** | Tình cảm trân trọng, yêu quý bạn | Xem thường, giễu cợt vị thần xâm lược thất bại | Lo lắng cho thời cuộc, quan tâm vận mệnh đất nước một cách thầm kín, thể hiện sự tự nhận thức về giá trị của bản thân. | | **Chủ đề** | Qua tiếng cười tự trào hóm hỉnh, bài thơ khẳng định tình cảm trân trọn, yêu quý hết mực của tác giả dành cho bạn. | Thái độ bất kính, coi thường Sầm Nghi Đống, đồng thời thể hiện khát vọng bình đẳng nam-nữ của Hồ Xuân Hương | Tiếng cười tự chế giễu vì sự bất lực của bản thân trước hoàn cảnh xã hội giao thời đầy nhiễu nhương. | | **Thông điệp** | Tình bạn cần có sự chân thành, tình cảm tự đáy lòng là trên hết. | Phụ nữ có khả năng làm được nhiều việc không kém nam giới nếu được giải phóng khỏi các quy ước, ràng buộc của xã hội phong kiến; nam-nữ cần được bình đẳng để phụ nữ có cơ hội thể hiện tài năng. | Sự tự nhận thức về tình cảnh của mình: bất lực trước hoàn cảnh và tố cáo xã hội giao thời đầy nhiễu nhương, mâu thuẫn đã đẩy những trí thức như ông vào tình cảnh này. | | **Nhận xét chung:** Bằng việc sử dụng một cách phù hợp các thủ pháp trào phúng, các tác giả đã khéo léo thể hiện tình cảm, cảm xúc của mình và gửi gắm thông điệp đến người đọc, làm rõ chủ đề tác phẩm. | | | |   **BT 2.** Khi tìm hiểu một bài thơ trào phúng, cần chú ý:  - Xác định và phân tích những thủ pháp nghệ thuật trào phúng.  - Làm rõ tình cảm, cảm xúc của tác giả; chủ đề, tư tưởng, thông điệp của bài thơ.  **BT 3.** Khi lựa chọn từ ngữ, ngoài việc quan tâm đến phần ý nghĩa cơ bản, chúng ta cần quan tâm đến sắc thái nghĩa của từ vì nếu không lựa chọn được từ ngữ với sắc thái nghĩa phù hợp, chúng ta sẽ không thể diễn tả chính xác thái độ, tình cảm, nhận định,… của mình đối với sự việc được đề cập trong câu hoặc đối với người nghe, người đọc.  **BT 4.** a. Việc dùng từ “lọc lõi” trong trường hợp này là không phù hợp vì “lọc lõi” có nghĩa là “từng trải và khôn ngoan, có đủ kinh nghiệm, biết đủ mọi mánh khoé (thường hàm ý chê)” trong khi đó đối tượng được miêu tả ở đậy là một doanh nhân “được nhiều người ngưỡng mộ”.  b. Việc dùng từ “xinh” trong trường jhợp này là không phù hợp vì “xinh” có nghĩa là “có hình dáng và những đường nét rất dễ coi, ưa nhìn (thường dùng để nói về trẻ em, phụ nữ trẻ) trong khi đó, đối tượng được miêu tả ở đây là người phụ nữ lớn tuổi ( *bà ấy tuy tuổi đã cao).*  **II. Ôn kĩ năng Viết, Nói và nghe**  **BT 5.** Khi viết bài văn phân tíchh một bài thơ, chúng ta cần đảm bảo những yêu cầu sau:  • Về nội dung: nêu được chủ đề; nêu và phân tích được tác dụng của một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm văn học, ví dụ: hình ảnh, từ ngữ, các biện pháp tu từ (đối với văn bản thơ); tình huống, chi tiết tiêu biểu, nhân vật, ngôi kể (đối với văn bản truyện) ...  • Về hình thức: lập luận chặt chẽ, có bằng chứng tin cậy từ tác phẩm, diễn đạt mạch lạc; sử dụng các phương tiện liên kết hợp lí để giúp người đọc nhận ra mạch lập luận.  • Bố cục bài viết cần đảm bảo:  + Mở bài: giới thiệu tác phẩm văn học (tên tác phẩm, tác giả...), nêu ý kiến khái quát về chủ đề và nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm.  + Thân bài: lần lượt trình bày các luận điểm làm nổi bật chủ đề và một số nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật trong tác phẩm.  + Kết bài: khẳng định lại ý kiến về chủ đề và một vài nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật của tác phẩm; nêu suy nghĩ, cảm xúc, trải nghiệm cá nhân hoặc bài học rút ra từ tác phẩm.  **BT 6.**  - Trước khi thảo luận: cần chuẩn bị trước những ý kiến kèm theo các lí lẽ, dẫn chứng.  - Trong khi thảo luận: cần lắng nghe, ghi chép ý kiến của các bạn và tích cực trình bày, đóng góp ý kiến của mình, phản hồi ý kiến của các bạn.  - Sau khi thảo luận: cần suy ngẫm và rút kinh nghiệm về những điều bản thân hoặc các thành viên trong nhóm đã làm tốt trong quá trình thảo luận, những điều có thể làm tốt hơn và những bài học cần rút kinh nghiệm cho lần sau. Ghi nhận những ý kiến này vào vở để có thể xem lại khi cần thiết.  **BT 7. HS tự trình bày theo suy nghĩ cá nhân**  **VD:** Biết khoan dung với những lỗi lầm của mình và người khác bởi ai cũng có điểm chưa hoàn hảo và có thể mắc lỗi; tiếng cười là cách thức phê phán, nhẹ nhàng, tế nhị, sâu sắc,ít gây tổn thương về mặt tình cảm hơn những cách thức khác. |

**\*Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về ***Bài 10*** đã học.

**b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  Giáo viên yêu cầu HS hoàn thành bảng sau (về nhà):   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Tên văn bản** | **Đặc sắc nội dung** | **Đặc sắc nghệ thuật** | | ***Bạn đến chơi nhà* (Nguyễn Khuyến)** |  |  | | ***Đề đền Sầm Nghi Đống* (Hồ Xuân Hương)** |  |  | | ***Tự trào I* (Trần Tế Xương)** |  |  |   **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS về nhà thực hiện nhiệm vụ trên.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, ..  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt nội dung bài học |  |

**\*Hoạt động 3: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức về bàiđã học.

**b. Nội dung:** GV cho HS tự nhắc lại về những kiến thức đã học được.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bài tập:** Hãy chọn một bài thơ mà em yêu thích và viết bài văn phân tích chủ đề và những nét về hình thức nghệ thuật của bài thơ đó.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS về nhà thực hiện nhiệm vụ trên và công bố bài viết. HS có thể công bố bài viết trên blog cá nhân, trên trang web của lớp, ..  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS giới thiệu bài viết đã được chỉnh sửa, công bố đến các bạn khác trong lớp.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, chốt nội dung bài học |  |

**\* Hướng dẫn tự học**

- Bài vừa học:

+ Ôn tập lại nội dung ***Bài 10. Cười mình, mình cười.***

+ Hoàn thành các bài tập.

- Bài sắp học: Soạn bài: **ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II**

**Tiết 137 ÔN TẬP CUỐI KỲ I**

**\* Hoạt động: Khởi động**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b. Nội dung**:

- HS trả lời câu hỏi

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh: Em hãy chia sẻ ấn tượng của mình về bài học mà em yêu thích trong học kì 2 vừa qua.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS huy động tri thức nền, trải nghiệm cá nhân thực hiện yêu cầu được giao.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 1-2 học sinh chia sẻ trước lớp.  - GV quan sát, hỗ trợ HS (nếu cần thiết)  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**   GV gợi mở các chủ đề: Âm vang lịch sử, Cười mình, cười người….  - GV dẫn dắt vào bài học: Chúng ta đã học qua rất nhiều bài học hay và ý nghĩa, những kiến thức tiếng việt giúp các kĩ năng giao tiếp và tạo lập văn bản được nâng cao, được trình bày những ý kiến của mình về các vấn đề xã hội, thể hiện quan điểm trong các bài viết…Để củng cố lại những kiến thức trên ta sẽ cùng nhau ôn tập cuối học kì 2 nhé! |  |

**\* Hoạt động: Hình thành kiến thức**

**a. Mục tiêu**: Giúp HS

- Ôn lại những nội dung đã học ở HK II.

- Khái quát, tổng hợp tri thức Ngữ văn.

**b. Nội dung**:

- HS trả lời câu hỏi

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: HĐ nhóm**  - GV chia nhóm:  + Nhóm 1: Hoàn thành câu hỏi phần ĐỌC  + Nhóm 2: Hoàn thành câu hỏi phần TIẾNG VIỆT  + Nhóm 3: Hoàn thành câu hỏi 1, 2 phần VIẾT  + Nhóm 4: Hoàn thành câu hỏi 1, 2, 4 phần NÓI VÀ NGHE  **B2: Thực hiện nhiệm vụ:**HS trao đổi thảo luận hoàn thiện bảng mẫu.  **B3: Báo cáo, thảo luận:**Đại diện nhóm trình bày;  Các nhóm theo dõi, nhận xét, bổ sung  (Phần thuyết trình có thể thuyết trình kết hợp với các slile hoặc sapo)  **B4: Kết luận, nhận định (GV):**  - Đánh giá, nhận xét (hoạt động nhóm của HS và sản phẩm), chốt kiến thức chuyển sang hoàn thiện phiếu học tập số 2. | **I. ĐỌC**  **Câu 1 (trang 114 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  1 - đ  2 - c  3 - d  4 - b  5 – a  **Câu 2 (trang 114 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Thuật ngữ** | **Khái niệm/ đặc điểm** | | **1** | Cốt truyện đơn tuyến | cốt truyện chỉ có một nhân vật chính, đặt trong mối quan hệ với tất cả các nhân vật khác, thường hướng về một chủ đề. | | **2** | Cốt truyện đa tuyến | Cốt truyện có nhiều nhân vật chính và có nhiều câu chuyện và nhân vật với nhau nhưng hướng tới chủ đề chung của tác phẩm | | **3** | Nhân vật chính | Nhân vật chính là nhân vật chiếm phần lớn câu chuyện hoặc là điểm nhìn của câu chuyện. Nhân vật chính thường có tên xuất hiện trên tên phim điện ảnh hoặc truyền hình nhiều tập. Ví dụ: Michael Clayton, Shrek... Nó cũng thể hiện được rằng nhân vật chính sẽ là trung tâm của câu chuyện. | | **4** | Chi tiết tiêu biểu | là chi tiết đặc sắc, tập trung thể hiện rõ nét sự việc tiêu biểu. |   **Câu 3 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**  Các nhân vật trong truyện lịch sử khá lôi cuốn và hấp dẫn:  - Đơn giản như sử Việt, thì người dạy sử Việt chưa bao giờ biết nhàm chán. Miễn sao người dạy, người nghiên cứu cần phải gia công tìm tòi, tìm hiểu, không được thỏa mãn với những điều mình đã có. Với sự hiểu biết luôn là vô cùng, cần phải làm sao cho các trang sử luôn đầm đìa cảm xúc.  - Bên cạnh đó, lịch sử Việt Nam không bao giờ khô khan, nhàm chán như bạn đã cảm nhận. Đơn giản như, sự lớn lao của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, ba năm độc lập đầu tiên của cuộc hành trình ngàn năm đấu tranh tiến tới nền độc lập của dân tộc.  **Câu 4 (trang 115 sgk Ngữ văn lớp 8 Tập 2 – Chân trời sáng tạo):**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | **Truyện cười** | **Thơ trào phúng** | | Nét tương đồng | Đều mang lại tiếng cười hài hước và vui vẻ cho người đọc. | | | Đặc điểm riêng | Câu chuyện dân gian kể về các câu truyện hài của cuộc sống hay câu chuyện kể ra để ví về điều gì đó. | Những câu chuyện châm biếm, khinh thường và sử dụng ngôn từ cười nhân vật, câu chuyện muốn nhắm tới. Từ đó đưa ra thông và bài học cho người đọc. |   **II. TIẾNG VIỆT**  **Câu 1** (sgk tr.115)  a. Câu “Thì ra là con rắn vuông bốn góc à?” là câu hỏi tu từ bởi câu hỏi này không nhằm tìm kiếm câu trả lời mà được người vợ dùng để mỉa mai, chiêm biếm sự khoác lác của người chồng.  b. Tromg đoạn trích, các từ “ừ”, “nhé” xuất hiện trong câu nói của người chồng khi nói với vợ của mình, được dùng với sắc thái nghĩa thân mật. Trong giao tiếp, có thể sử dụng các từ này với đối tượng người nghe ở vị trí ngang hàng hoặc thấp hơn người nói, trong những tình huống giao tiếp thân mật, gần gũi  **Câu 2** (sgk tr.115)  Trong đoạn thơ này, mỗi câu thơ là một câu hỏi với cấu trúc đâu +X. Tuy nhiên, trong cấu trúc ngữ pháp thông thường, từ dùng để hỏi “đâu” thường đứng ở cuối câu (X đâu?/ X ở đâu/ X đâu rồi?). Việc đảo vị trí từ “đâu” lên đầu câu có tác dụng làm cho sự diễn đạt giàu cảm xúc, giàu âm hưởng. Việc sử dụng biện pháp đảo ngữ kết hợp với biện pháp điệp từ và câu hỏi tu từ đã tạo nên giọng điệu da diết, sâu lắng, mahx liệt cho cả đoạn thơ.  **Câu 3** (sgk tr.116)  a. Câu trong đề bài thuộc kiểu câu kể. Dấu hiệu nhận biết: kết thúc bằng dấu chấm, nội dung của câu là thông báo một sự việc.  b. Thành phần biệt lập: Thành phần tình thái “có lẽ là” biểu thị một cách dè dặt về điều người nói nghĩ rằng như thế.  **III. VIẾT**  **Câu 1** (sgk tr.116)   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | **Kiểu bài** | **Khái niệm** | **Đặc điểm** | **Bố cục** | | Bài văn phân tích một tác phẩm văn học | là kiểu bài làm văn trình bày những nhận định, đánh giá về tác phẩm trên cơ sở xem xét từng bộ phận, từng mặt của tác phẩm ấy rồi tổng hợp lại. | Thể hiện rõ ý kiến của người viết về tác phẩm cần bàn luận, có thể là về nhân vật, chi tiết, ngôn từ, đề tài, chủ đề | - Mở bài: giới thiệu nhân vật cần bàn luận và thể hiện ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật.  - Thân bài: giới thiệu về tác giả, tác phẩm để giúp người đọc hiểu thêm về nhân vật cần phân tích. Khẳng định ý kiến về các đặc điểm của nhân vật, đưa ra lí lẽ và bằng chứng để làm sáng tỏ ý kiến; các lí lẽ và bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.  - Kết bài: khẳng định lại ý kiến của người viết về đặc điểm của nhân vật, nêu cảm nghĩ của người viết về nhân vật. | | Văn bản giới thiệu một cuốn sách | mang tính chất mô tả, cung cấp thông tin cần thiết về cuốn sách đó. Loại bài viết này được thực hiện bằng cách người viết nêu rõ các ý tưởng, thông điệp hay mục đích của tác giả muốn truyền tải đến người đọc mà mình cảm nhận được khi đọc sách, trong đó có trích dẫn những đoạn nổi bật (có trong sách). | Bài viết truyền tải được đầy đủ thông điệp của tác giả đến độc giả, hình thành và nâng cao tình yêu với sách, khuyến khích được mọi người tìm mua/mượn và đọc sách. | - Mở bài: nêu một số thông tin về tên sách, tên tác giả, nêu cảm nhận hoặc ấn tượng về cuốn sách.  - Thân bài: Tóm tắt ngắn gọn nội dung và trình bày nhận xét của người viết về giá trị của cuốn sách. Trích dẫn một vài chi tiết từ cuốn sách để làm rõ ý kiến.  - Kết bài: khẳng định giá trị của cuốn sách, khuyến khích/ đề nghị mọi người nên đọc cuốn sách đó. | | Bài văn kể lại một chuyến đi hay một hoạt động xã hội | Kể về một hoạt động trải nghiệm của bản thân và bạn bè | Những trải nghiệm chân thật để kể lại qua chính nhật vật đó | - Mở bài: Giới thiệu về chuyến đi; nêu ấn tượng ban đầu về chuyến đi.  - Thân bài: Kể lại những thông tin cơ bản, diễn biến chi tiết và ấn tượng đặc biệt về chuyến đi.  - Kết bài: Khẳng định lại tình cảm/ suy nghĩ sâu sắc của bản thân về chuyến đi. |   **Câu 2** (sgk tr.116,117)**:**Đánh dấu vào ô Đúng, Sai tương ứng với các ý kiến dưới đây.   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **STT** | **Ý kiến về quy trình viết các kiểu bài** | **Đúng** | **Sai** | **Lí giải nếu sai** | | 1 | Khi viết bài phân tích một tác phẩm văn học, cần phải tách riêng luận điểm về chủ đề và về các đặc sắc nghệ thuật. |  | x | Có thể tách riêng luận điểm về chủ đề và về các đặc sắc nghệ thuật; cũng có thể vừa phân tích chủ đề và đặc sắc nghệ thuật trong một luận điểm. | | 2 | Với bài phân tích một tác phẩm văn học, cần nêu càng nhiều bằng chứng càng tốt. |  | x | Bằng chứng cần được nêu vừa đủ, chính xác, sao cho làm sáng tỏ được các luận điểm. | | 3 | Với bài phân tích một tác phẩm văn học, lí lẽ là phần kể lại nội dung của tác phẩm. |  | x | Lí lẽ không phải là phần kể lại nội dung tác phẩm mà là phần phân tích, lí giải các bằng chứng để làm sáng tỏ luận điểm. | | 4 | Khi viết bài phân tích một tác phẩm văn học, lí lẽ là những lí giải, đánh giá, phân tích về các bằng chứng trong văn bản, giúp làm sáng tỏ luận điểm. | x |  |  | | 5 | Khi viết bài văn kể vể một hoạt động xã hội, có thể tùy ý sử dụng ngôi kể. |  | x | Khi viết bài văn kể một hoạt động xã hội, cần kể bằng ngôi thứ nhất vì đây là hoạt động do chính bản thân trải nghiệm, để lại cho bản thân suy nghĩ, tình cảm sâu sắc. | | 6 | Đối với bài văn kể về một chuyến đi hay một hoạt động xã hội, cần kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm để bài văn thêm sinh động, chân thực. | x |  |  | | 7 | Có thể kể về một chuyến đi và một hoạt động mà bản thân không trực tiếp tham gia. |  | x | Cần kể về chuyến đi và hoạt động mà bản thân đã trực tiếp tham gia để đảm bảo sự sinh động, chân thực, đáng tin cậy cho bài viết. | | 8 | Khi viết bài thuyết minh giới thiệu về một cuốn sách yêu thích, cần tóm tắt nội dung sách và nêu các thông tin về cuốn sách. | x |  |  | | 9 | Trong bài thuyết minh giới thiệu về một cuốn sách, cần trực tiếp nêu khuyến nghị mọi người nên đọc cuốn sách. |  | x | Có thể khuyến nghị mọi người đọc sách bằng cả hình thức trực tiếp lẫn gián tiếp. |   **Câu 3** (sgk tr.117)  - Cách sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ hỗ trợ viết bài văn:  + Sử dụng các phương tiện phi ngôn ngữ như: hình ảnh, sơ đồ, bảng biểu…  + Phân tích kết nối nội dung các phương tiện phi ngôn ngữ ấy với bài viết, tránh trường hợp các phương tiện phi ngôn ngữ đưa ra không liên quan.  + Sử dụng phương tiện phi ngôn ngữ hợp lí, đúng thời điểm, chú thích rõ ràng.  **IV. NÓI VÀ NGHE**  **Câu1** (sgk tr.117)  Một số phương pháp ghi chép hiệu quả để nghe và tóm tắt nội dung thuyết trình của người khác là:  - Ghi chép theo dạng sơ đồ tư duy.  - Ghi chép theo kĩ thuật KWL  - Ghi chép dưới dạng từ khóa.  **Câu2** (sgk tr.117)   |  |  | | --- | --- | | **Cách trình bày** | **Tác dụng** | | Cầm theo cuốn sách và giới thiệu | Giúp phần giới thiệu được trực quan, lối cuốn đối với người nghe. | | Mở đầu bài giới thiệu bằng trò chơi liên quan đến cuốn sách | Khơi gợi sự tò mò, tạo hứng thú cho người nghe. | | Dẫn dắt vào nội dung cuốn sách | Sử dụng phương thức hỏi đáp, hướng đến những trải nghiệm cá nhân. | | Tổ chức các trò chơi | Khơi gợi sự tò mò, thu hút người xem |   **Câu3** (tr.117)  Các kinh nghiệm của bản thân sau khi thực hiện thảo luận về một vấn đề của đời sống:  - Cần xây dựng hệ thống luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng rõ ràng.  - Rút ra kinh nghiệm của bản thân sau khi thảo luận.  - Xây dựng kế hoạch phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế. |

**\* Hoạt động : Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học qua các bài.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, sách tham khảo kiến thức đã học để hoàn thành nhiệm vụ

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho bài tập- HS xác định yêu cầu bài tập  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS trình bày trước lớp  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  **- GV nhận xét, đánh giá.** |  |

**\* Hoạt động: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để viết đoạn văn

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học sưu tầm và tập viết đoạn văn.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - Em hãy viết đoạn văn (khoảng 10 đến 15 câu) chủ đề tự chọn, có sử dụng thành phần biệt lập.  **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ học tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận hoạt động và thảo luận**  - GV mời một số HS trình bày trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá |  |

**\* Hướng dẫn tự học:**

***- Bài vừa học:*** Nắm nội dung bài vừa học

***- Bài sắp học:*** Chẩn bị tốt bài kiểm tra giữa kì II

**Tiết 138-139 KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu**: HS hiểu được vai trò quan trọng của kiểm tra cuối học kì I.

**b. Nội dung:**

HS nghe giới thiệu đề kiểm tra.

**c. Tổ chức thực hiện:**

- GV giới thiệu đề kiểm tra, thời gian, cách làm bài.

- HS tập trung lắng nghe và thực hiện.

**\* Hoạt động 2: Thực hành làm bài kiểm tra**

**a. Mục tiêu**: HS thực hành viết bài kiểm tra.

**b. Nội dung:**

HS thực hành viết từng trả lời cho từng câu hỏi.

**c. Tổ chức thực hiện:**

- GV phát đề kiểm tra

- HS thực hiện bài làm của mình.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MA TRẬN ĐỀ CUỐI HỌC KÌ II** | | | | | |  | | | | | | |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
|  |  |  | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |  |
|  |  |  | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **1** | **Đọc hiểu** | Truyện lịch sử. | **3** | **0** | **5** | | **0** | **0** | **2** | **0** |  | **60** |
| **2** | **Viết** | Viết được bài văn giới thiệu một cuốn sách. | 0 | 1\* | 0 | | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40 |
| **Tổng** | | | ***15*** | ***5*** | ***25*** | | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100** |
| **Tỉ lệ %** | | | **20%** | | **40%** | | | **30%** | | **10%** | |  |
| **Tỉ lệ chung** | | | **60%** | | | | | **40%** | | | |  |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

|  |  |
| --- | --- |
| **BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI KÌ II** |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **I** | **Đọc hiểu** | Truyện ngắn, Truyện lịch sử. | **Nhận biết:**  - Nhận biết đề tài, bối cảnh, chi tiết tiêu biểu.  - Nhận biết được nhân vật, cốt truyện, tình huống, các biện pháp xây dựng nhân vật.  - Nhận biết được các trợ từ, thán từ, thành phần biệt lập, các loại câu phân loại theo mục đích giao tiếp.  **Thông hiểu**:  - Phân tích được tình cảm, thái độ của người kể chuyện.  - Phân tích được vai trò, tác dụng của cốt truyện đơn tuyến và cốt truyện đa tuyến.  - Hiểu và lí giải được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc thông qua hình thức nghệ thuật của văn bản.  - Xác định được nghĩa của một số thành ngữ thông dụng; sắc thái nghĩa của từ ngữ và việc lựa chọn từ ngữ; các thành phần biệt lập; biệt ngữ xã hội; biện pháp đảo ngữ, câu hỏi tu từ được sử dụng trong văn bản.  - Xác định được nghĩa tường minh và hàm ý; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó được sử dụng trong văn bản.  **Vận dụng:**  - Nhận xét được nội dung phản ánh và cách nhìn cuộc sống, con người của tác giả qua văn bản.  - Nêu được những thay đổi trong suy nghĩ, tình cảm, nhận thức của bản thân sau khi đọc văn bản.  - Vận dụng những hiểu biết về vai trò của tưởng tượng trong tiếp nhận văn học để đánh giá giá trị của tác phẩm. | | 3 TN | 5TN | 2TL |  |
| **II** | **Viết** | Viết được bài văn thuyết minh giới thiệu một cuốn sách | **Nhận biết:**  **Thông hiểu:**  **Vận dụng:**  **Vận dụng cao:** Viết được bài văn thuyết minh giới thiệu một cuốn sách; nêu được những thông tin quan trọng; trình bày mạch lạc, thuyết phục. | | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** | | | |  | **3TN** | **5TN** | **2 TL** | **1 TL** |
| **Tỉ lệ %** | | | |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lệ chung (%)** | | | |  | **60%** | | **40%** | |

**Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ. Các cấp độ được thể hiện trong Hướng dẫn chấm.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ II** |  |

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm)**

**Đọc đoạn văn sau**

Gần trưa, Chiêu Minh vương hộ tống nhà vua tiễn Trần Quốc Tuấn ra bến

Đông làm lễ tế cờ xuất sư. […] Không khí trang trọng đến tức thở. Nhân Tông vái Trần Quốc Tuấn và phán:

- Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trẫm xin trao cho Quốc công.

Trần Quốc Tuấn nghiêm trang đáp lễ:

- Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.

Nhân Tông ban kiếm Thượng Phương, trao quyền chém trước tâu sau cho Trần Quốc Tuấn. Nhà vua chăm chú nhìn vị tướng già và thấy Trần Quốc Tuấn quắc thước lạ lùng.

Từ trên đài cao, Trần Quốc Tuấn lặng nhìn các đội quân hàng ngũ chỉnh tề bên dưới. […] Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề. Ông thét lớn:

- Bớ ba quân!

Tiếng dạ vang dậy kinh thành và sông nước.

Trần Quốc Tuấn lại thét tiếp:

- Quan gia đã hạ chỉ cho ta lĩnh cờ tiết chế cùng các ngươi xuất sư phá giặc. Kiếm Thượng Phương đây! - Trần Quốc Tuấn nâng cao kiếm lên khỏi đầu.

- Ai trái mệnh, phản dân, hại nước, ta sẽ nghiêm trị không tha.

Quân sĩ lại đồng thanh dạ ran. Nhân Tông vẫy Dã Tượng lại gần, cầm lấy cái gậy trúc xương cá của Trần Quốc Tuấn. Nhà vua ân cần trao cây gậy cho vị tướng già và dặn dò: […]

- Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.

(Trích*Trên sông truyền hịch*, Hà Ân)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1.** Ý nào có sử dụng biệt ngữ xã hội?

A. *Trần Quốc Tuấn nâng cao kiếm lên khỏi đầu.*

B. - *Ai trái mệnh, phản dân, hại nước, ta sẽ nghiêm trị không tha.*

C. - *Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, ...mà giữ gìn sức khỏe*.

D. *Tiếng dạ vang dậy kinh thành và sông nước.*

**Câu 2.** Vua Trần Nhân Tông gửi gắm với Trần Quốc Tuấn vấn đề trọng đại gì?

A. Trao kiếm cùng xuất sư phá giặc.

B. Dặn dò các tướng sĩ nhiều điều.

C. Trọng phụ tuổi đã cao, xin vì trẫm, vì đất nước và trăm họ mà giữ gìn sức khỏe.

D. Từ nay việc an nguy của giang sơn xã tắc trẫm xin trao cho Quốc công.

**Câu 3.** Vua ban vật quý gì cho Trần Quốc Tuấn, Trần Quốc Tuấn sẽ có quyền gì?

A. Rượu quý, quyền lãnh đạo ba quân.

B. Ban kiếm Thượng Phương, quyền gặp vua bất cứ lúc nào.

C. Áo choàng, quyền quản lí quân sĩ.

D. Ban kiếm Thượng Phương, quyền chém trước tâu sau.

**Câu 4.** Tại sao không khí buổi lễ tế cờ xuất sư được miêu tả **trang trọng đến tức thở?**

A. Vì đây là buổi lễ quan trọng chuẩn bị cho cuộc chiến chống lại quân Nguyên - Mông xâm lược.

B. Vì đây là buổi lễ lên ngôi của vua Trần trước khi ra trận đánh giặc xâm lược Nguyên Mông.

C. Vì đây là buổi lễ quan trọng của hoàng cung.

D. Vì đây là buổi chia tay sinh tử để ra trận quyết chiến với kẻ thù.

**Câu 5.** Sự việc vua trao cho Trần Quốc Tuấn quyền chém trước tâu sau cho ta thấy vua là người như thế nào?

A. Vua rất anh minh, có tầm nhìn xa trông rộng về việc xây dựng đất nước.

B**.** Vua rất tin tưởng Trần Quốc Tuấn về tài cầm quân đánh giặc.

C.Vua rất tin tưởng vào tài năng cầm quân của Trần Quốc Tuấn, chờ đợi chiến thắng trong cuộc chiến chống giặc Nguyên - Mông.

D. Vua chờ đợi tin chiến thắng chống giặc Nguyên – Mông của quân và dân.

**Câu 6.** Em hiểu thế nào về lời hứa của Trần Quốc Tuấn với vua:*Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.*

A.Trần Quốc Tuấn rất tự tin vào chiến thắng quân xâm lược.

B.Trần Quốc Tuấn tự tin và thể hiện quyết tâm mang về chiến thắng để báo đáp

niềm tin tưởng của vua.

C. Trần Quốc Tuấn hứa hẹn chiến thắng quân giặc để đền đáp ơn vua.

D. Trần Quốc Tuấn hứa sẽ bảo vệ danh dự cho vua, thề không thua bọn giặc xâm lược đất nước.

**Câu 7.** “*Trần Quốc Tuấn thấy tất cả sức mạnh của dân tộc từ nghìn xưa truyền lại nâng cao tâm hồn ông lên khiến cho hai vai ông dư sức gánh sứ mệnh nặng nề*”. Câu văn này gợi đến tâm trạng, cảm xúc gì của Trần Quốc Tuấn?

A.Trần Quốc Tuấn cảm nhận được sức mạnh của dân tộc và niềm hứng khởi

khi đón nhận sứ mệnh vua ban.

B. Trần Quốc Tuấn thấy vui vẻ, tự tin vào sức mạnh của bản thân và tướng sĩ.

C. Trần Quốc Tuấn thấy ai cũng đáng tin yêu, tự tin vào chiến thắng sắp tới.

D. Trần Quốc Tuấn thấy dân tộc mình thật kiên cường.

**Câu 8.** Câu nào có chứa thành phần biệt lập?

A. *- Lão thần thề không để nhục mệnh của bệ hạ.*

B. *- Bớ ba quân!*

C. *Tiếng dạ vang dậy kinh thành và sông nước.*

D. *Trần Quốc Tuấn lại thét tiếp:*

**Câu 9.** Em hãy nêu nhận xét của mình về vị tướng già Trần Quốc Tuấn?

**Câu 10**. Qua văn bản và cách biểu hiện của các nhân vật, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

**PHẦN II. VIẾT (4.0 điểm)**

Hãy viết một bài văn giới thiệu một cuốn sách mà em đã đọc.

**HƯỚNG DẪN CHẤM** **ĐỀ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KỲ II**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** | **4,0** |
|  | 1 | C | 0,5 |
| 2 | D | 0,5 |
| 3 | D | 0,5 |
| 4 | A | 0,5 |
| 5 | C | 0,5 |
| 6 | B | 0,5 |
| 7 | A | 0,5 |
| 8 | B | 0,5 |
| **9** | Trần Quốc Tuấn là một vị tướng giỏi, uy nghi, dũng mãnh. Ông được các vua thời Trần tín nhiệm, nhân dân yêu mến, là con người suốt cả đời theo nghiệp nhà binh, bảo vệ đất nước bao phen khỏi kẻ thù xâm lược, đã từng đánh thắng giặc Nguyên - Mông lần thứ nhất vào năm 1257, lần thứ hai vào năm 1285, lần thứ ba vào năm 1288. | 1,0 |
|  | **10** | HS rút ra 2 đến 3 bài học có ý nghĩa cho bản thân, phù hợp chuẩn mực đạo đức. Ví dụ:   * Chúng ta cần phải sống và làm việc hết mình vì đất nước. * Phải đặt lợi ích, vận mệnh dân tộc lên mọi lợi ích khác. * Dù là ở cương vị cao hơn cũng luôn phải tôn trọng người lớn tuổi, người có tài. * Khi làm việc gì cũng luôn cần sự tự tin và quyết tâm. | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | *a*. *Đảm bảo bố cục bài*: Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề. | 0,25 |
|  | *b. Xác định đúng yêu cầu của đề* | 0,25 |
|  | *C.* *Biết làm bài văn:* HS có thể triển khai theo nhiều cách, nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: |  |
| - Loại/ thể loại của cuốn sách:  - Đề tài/Chủ đề:  - Những điểm nổi bật về nội dung:  - Những điểm nổi bật về hình thức nghệ thuật:  - Quan niệm của tác giả về đời sống, con người và thông điệp chính:  - Nêu ngắn gọn hiệu quả tác động, giải thích lí do vì sao nên đọc, tìm hiểu về cuốn sách. | 2,5 |
|  | *d. Chính tả, ngữ pháp*  Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt. | 0,5 |
|  | *e. Sáng* tạo: Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |

**Tiết 140 TRẢ BÀI KIỂM TRA CUỐI KÌ I**

**\* Hoạt động 1: Mở đầu**

**a. Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học

**b. Nội dung:** HS huy động tri thức đã có để thực hiện hoạt động khởi động.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS nêu ngắn gọn những cảm xúc, suy nghĩ, kinh nghiệm, …mình đã rút ra được sau khi làm bài kiểm tra học kì II.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi, yêu cầu của GV.  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 3 – 4 HS nêu ý kiến  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động khởi động của HS.  - GV dẫn vào bài học |  |

**\* Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới**

**a. Mục tiêu:** Xác định được các kiến thức giữa kì qua các bài 1,2,3

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi của GV.

**c.Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **\* Nhiệm vụ 1: Nhận xét ưu và nhược điểm của bài làm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xem lại bài kiểm tra của mình, chú ý nhận xét ưu điểm và hạn chế của bài.  - GV mời 1 HS phát đề  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* Nhiệm vụ 2: Chữa các lỗi sai**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xem lại bài kiểm tra của mình, chú ý lỗi sai trong bài.  - GV mời 1 HS phát đề  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → Ghi lên bảng.  **\* Nhiệm vụ 3: Kiểm tra lại bài và ghi điểm**  **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV nêu rõ yêu cầu: HS xem lại bài kiểm tra của mình về điểm  - HS thực hiện nhiệm vụ  **Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**  - HS làm việc cá nhân  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - HS trình bày sản phẩm  - GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức → GV gọi tên – HS hô điểm – GV ghi vào sổ điểm | **I. Nhận xét**  - Ưu điểm:  - Hạn chế:    **II. Chữa các lỗi sai**  - Chính tả  - Sai cách dùng câu  - Trình bày đoạn văn :  **III. Gọi tên ghi điểm** |

**\* Hoạt động: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học HK II

**b. Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học để trình bày.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu HS *đọc nhanh và ghi nhớ, sau đó sắp xếp thứ tự các câu văn sao cho hợp lí để hoàn thiện đoạn văn mạch lạc.*  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - Thực hiện hoàn thành bài tập  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |

**\* Hoạt động: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Sản phẩm dự kiến** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghe GV yêu cầu, sau đó thực hiện  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  - GV mời 2 – 3 HS trình bày phần ghi chép của mình.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  - GV nhận xét, đánh giá, khen ngợi cả lớp. |  |

**\* Hướng dẫn tự học**

- Bài vừa học: Nắm nội dung bài vừa học.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***